

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

- Mã chứng khoán : SKG
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 187 đường Nguyễn Trung Trực, Kp5, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3 980 111
- Fax : 0297 3 846 180
- Email : info@superdong.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên năm 2023. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 16/04/2024 tại đường dẫn <http://www.superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTN năm 2023.

Người đại diện theo pháp luật



PHAN HỒNG PHÚC



# ANNUAL

# SKG

# REPORT

*BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN*

# 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường  
Dương Đông, TP. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Điện thoại: (0297) 3846 180

Email: [info@superdong.com.vn](mailto:info@superdong.com.vn)

Website: [www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)

# MỤC LỤC

## 1

### THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

## 2

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## 3

### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

## 4

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 5

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ủy ban kiểm toán

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc & UBKT

# MỤC LỤC

## 6

### BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tác động lên môi trường

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ nước

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

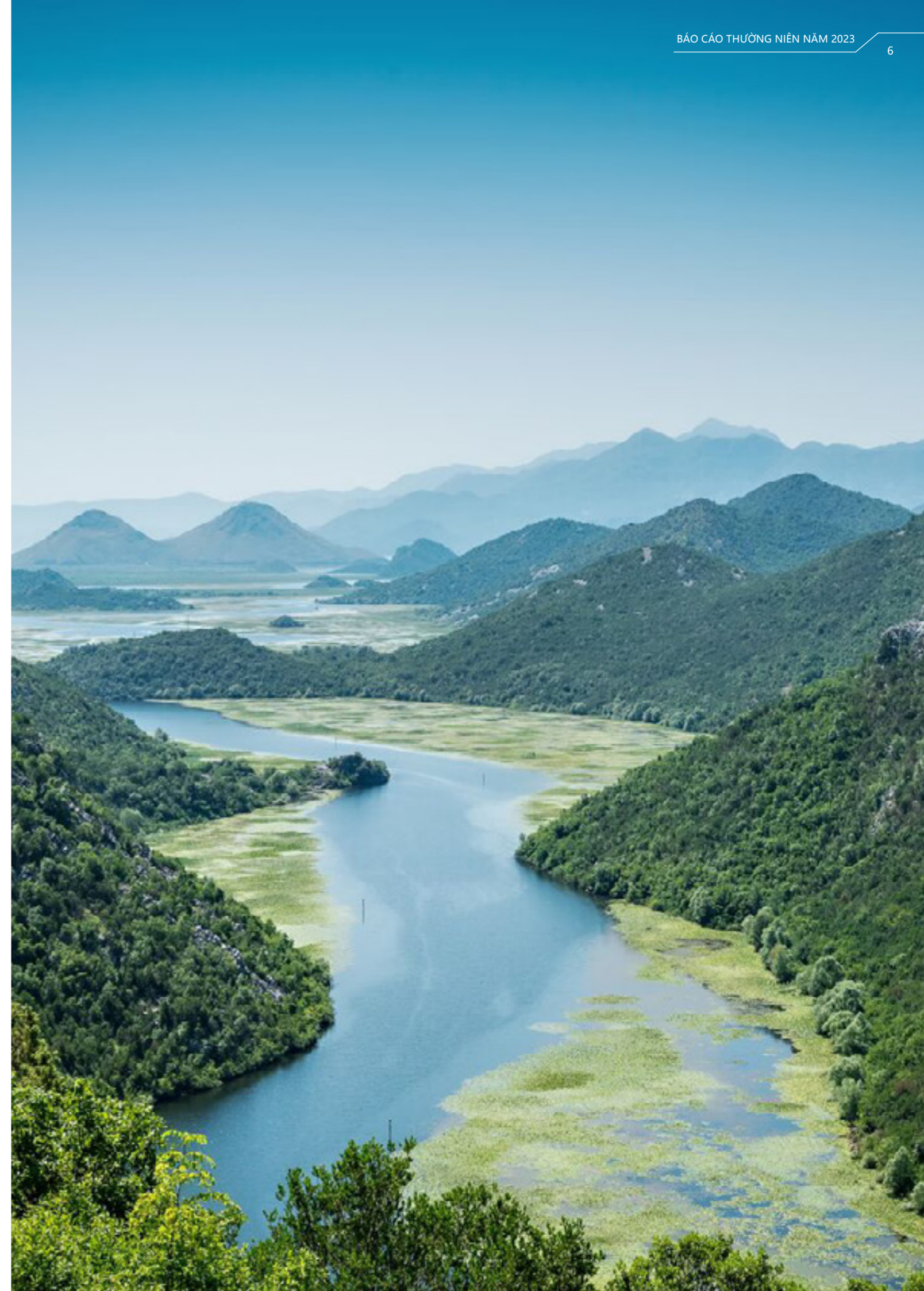
Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

## 7

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán





# 1. THÔNG TIN CHUNG

---

Thông tin khái quát  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|   |  |
|---|--|
| <b>Tên giao dịch:</b>                           | Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang   |
| <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:</b> | Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 do Ban quản lý ĐTPT đảo Phú Quốc cấp ngày 22/01/2010 và đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư ngày 04/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 12/05/2023. |
| <b>Vốn điều lệ:</b>                             | 633.317.350.000 đồng   |
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>               | 633.317.350.000 đồng   |
| <b>Địa chỉ:</b>                                 | 187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.  |
| <b>Mạng lưới hoạt động:</b>                     | Mạng lưới hoạt động của SKG bao gồm 01 trụ sở chính, 01 Văn phòng đại diện, 04 chi nhánh và các phòng vé.  |
| <b>Trụ sở chính:</b>                            | 187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam   |
| <b>Website:</b>                                 | www.superdong.com.vn   |
| <b>Email:</b>                                   | info@superdong.com.vn  |
| <b>Điện thoại:</b>                              | (0297) 3980 111  |
| <b>Hotline:</b>                                 | 0919 664 660   |
| <b>Số fax:</b>                                  | (0297) 3846 180  |
| <b>Mã cổ phiếu</b>                              | SKG  |



## THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH DOANH

### TRỤ SỞ CHÍNH

187 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 5, Phường Dương Đông, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.  
 Website: www.superdong.com.vn  
 Email: info@superdong.com.vn  
 ĐT: (0297) 3980 111  
 Hotline: 0919 664 660

### VPĐD TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP. HCM.  
 SĐT: (028) 3866 6333  
 Email: saigon.sales@superdong.com.vn

### PHÒNG VÉ LẠI SƠN

Ấp bãi nhà, xã Lại Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang.  
 SĐT: (0297) 3830 555 / 091 1541 331

### PHÒNG VÉ RẠCH GIÁ

Số 01 Lô 4, Đường 3/2, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá.  
 SĐT: (0297) 3877 742  
 Email: rachgia.sales@superdong.com.vn

### PHÒNG VÉ HÀ TIÊN

Số 11 Trần Hữu, Phường Bình San, Thị xã Hà Tiên.  
 SĐT: (0297) 3955 933  
 Email: hatien.sales@superdong.com.vn

### PHÒNG VÉ HÒN NGHỆ

Tổ 1, Ấp Bãi Nam, Xã Hòn Nghệ, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.  
 SĐT: 094 7624 365

### PHÒNG VÉ TRẦN ĐỀ

Ấp Đầu Giồng, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng, Bến Cảng Superdong Trần Đề - Sóc Trăng.  
 SĐT: (0299) 3843 888 / (0299) 3843 999

### PHÒNG VÉ NAM DU

Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang.  
 SĐT: (0297) 3890 389 / (0297) 3777 989

### PHÒNG VÉ PHAN THIẾT

Số 169 Võ Thị Sáu, Phường Hưng Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.  
 SĐT: (0252) 3817 337 / (0252) 3817 338  
 Đường dây nóng: 0946 198 768  
 Email: phanthiet.sales@superdong.com.vn

### PHÒNG VÉ CÔN ĐẢO

Đường Trần Phú, khu 6, Thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.  
 SĐT: (0254) 3630 138 / (0254) 3630 139

### PHÒNG VÉ PHÚ QUÝ

Số 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận.  
 SĐT: (0252) 3765 999 / (0252) 3768 666

### PHÒNG VÉ SÓC TRĂNG

Số 193 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng.  
 SĐT: (0299) 3616 111  
 Hotline xe buýt: 0916 294 399  
 Email: soctrang.sales@superdong.com.vn

### PHÒNG VÉ CẦN THƠ

Số 62B Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.  
 SĐT: (0886) 712 233

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Kế thừa thương hiệu Superdong từ Công ty TNHH tàu cao tốc Kiên Giang, ngày 14/11/2007, Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang được thành lập. Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã trải qua nhiều sự kiện quan trọng góp phần làm nên thành công và phát triển của Công ty như ngày hôm nay. Sau đây là thống kê các sự kiện quan trọng từ lúc hình thành của SKG cho đến nay:



## THÀNH TÍCH QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

| Nơi cấp  | Thời gian  | Nội dung  | Người ký                                      |
|--|------------|---|---|
| Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.                       | 29/11/2023 | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2023.  | Giám Đốc Nguyễn Công Chánh.                   |
| Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.                         | 19/05/2023 | Thư cảm ơn CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã góp cho Thư viện huyện các đầu sách mới, góp phần thúc đẩy việc hình thành văn hóa đọc và sự phát triển bền vững.   | Phó Chủ tịch Ngô Tấn Lực.                     |
| Báo Người lao động.                                    | 19/05/2023 | Thư cảm ơn CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã đồng hành cùng chương trình “Tự hào cờ Tổ quốc” trong chuyến công tác tại đảo tiền tiêu Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.   | Phó Tổng biên tập Bùi Thanh Liêm.             |
| Cục hàng hải Việt Nam                                  | 26/04/2023 | Giấy khen Tập thể thuyền viên tàu Superdong Phú Quý I đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp tìm kiếm, cứu nạn các thuyền viên trên tàu Xuyên Á 126 và phương tiện LA-05922 tại vùng nước cảng biển Bình Thuận năm 2023. | Phó Cục trưởng Nguyễn Đình Việt.              |
| Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | 26/12/2022 | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (Chi nhánh Côn Đảo) đã có thành tích tiêu biểu trong hoạt động ngành du lịch năm 2022.  | Phó Chủ tịch Nguyễn Thụy Nga.                 |
| Trung tâm Y tế Phú Quốc.                               | 2022       | Thư cảm tạ CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã hỗ trợ một phần kinh phí cho Trạm Y tế xã Hàm Ninh làm mái che.   | Phó Giám đốc Võ Thành Dũng.                   |
| Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.                       | 01/12/2021 | Giấy chứng nhận CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2021.  | Giám đốc Công an tỉnh, Đại tá Đỗ Triệu Phong. |
| Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.                         | 06/10/2020 | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương giai đoạn 2019 – 2020.                       | Chủ tịch Bùi Thế Nhân.                        |
| Cục thuế tỉnh Bình Thuận.                              | 04/03/2020 | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2019.   | Cục trưởng Trần Thị Diệu Hoàng.               |
| Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.                         | 06/01/2020 | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2019.  | Chủ tịch Bùi Thế Nhân.                        |
| Sở Giao thông Vận tải tỉnh Kiên Giang.                 | 26/12/2019 | Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh vận tải năm 2019.  | Giám đốc Nguyễn Văn Dũng.                     |
| Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.                       | 02/12/2019 | CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2019.  | Giám đốc Trương Hữu Cường.                    |
| Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận.                          | 12/09/2019 | Cảm tạ Tấm lòng vàng.   | Phó Chủ tịch Trương Thị Hòa.                  |
| Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý.                         | 15/01/2019 | Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2018.   | Chủ tịch Bùi Thế Nhân.                        |

| Nơi cấp  | Thời gian  | Nội dung  | Người ký  |
|--|------------|---|---|
| Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên.  | 05/02/2018 | Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng công trình nhà ga Bến tàu khách Hà Tiên.  | Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân.   |
| Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên.  | 18/01/2018 | Giấy khen Công ty đã có nhiều đóng góp trong phong trào do chính quyền địa phương phát động năm 2017.   | Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân.   |
| Sở Văn hóa, Thể thao, Du lịch tỉnh Sóc Trăng.  | 27/10/2017 | Giấy khen Công ty đã tham gia gian hàng du lịch tại Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần III, khu vực ĐBSCL năm 2017.  | Giám đốc Trần Minh Lý.  |
| Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam.   | 10/10/2017 | Bằng khen Công ty đã có đóng góp tích cực trong việc tổ chức thành công Hội nghị Kết nối Giao thương VACOD - Sóc Trăng & Giao lưu Doanh nhân ba miền Bắc - Trung - Nam 2017.  | Chủ tịch TS. Nguyễn Hồng Sơn.   |
| Forbes Việt Nam.   | 29/05/2017 | Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất.   |   |
| Hiệp hội vận tải tỉnh Kiên Giang.  | 20/03/2017 | Giấy chứng nhận Công ty là Hội viên chính thức của Hiệp hội Vận tải tỉnh Kiên Giang.  | Chủ tịch Lê Việt Bắc.   |
| Hiệp hội VAFE.   | 09/11/2016 | Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin.  | Tổng thư ký Mai Linh Đa.  |
| Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) CTCP Tài Việt (Cổng thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn). | 09/11/2016 | Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 – IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016. | Tổng thư ký hiệp hội VAFE Mai Linh Đa<br>Chủ tịch CTCP Tài Việt Phạm Thị Thanh Nga. |
| Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.   | 21/01/2015 | Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014.  | Giám đốc Trương Hữu Cường.  |
| Viện nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp.  | 10/11/2014 | Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014.   | Viện trưởng PGS. TS Nguyễn Mạnh Quân.   |
| Sở Công thương tỉnh Kiên Giang.  | 15/03/2013 | Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013.  | Giám đốc Huỳnh Văn Gành.  |
| UBND tỉnh Kiên Giang.  | 08/02/2013 | Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012.   | Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi.   |
| Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang.   | 15/02/2012 | Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011.  | Giám đốc Trương Hữu Cường.  |



# HÌNH ẢNH GIẢI THƯỞNG VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023



Giải giao hữu bóng đá Doanh nhân trẻ Huyện Trần Đề năm 2023



Superdong đồng hành cùng các bác sĩ và sinh viên Trường Đại học Y dược Cần Thơ đến thăm khám và tặng quà cho người dân, học sinh tại đảo Lại Sơn



Superdong lì xì Mừng 1 Tết cho hành khách

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

#### Ngành nghề kinh doanh chính:

Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển; Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hành khách và hàng hóa đường bộ; Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

#### Các ngành nghề khác:

Với mục tiêu củng cố và thích nghi với tình hình mới của hoạt động kinh doanh cốt lõi là dịch vụ vận tải tới các đảo du lịch, Công ty đã bổ sung thêm một số ngành nghề

Khách sạn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Kinh doanh khai thác cảng thủy nội địa (Kinh doanh có điều kiện); Bốc xếp hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động vui chơi giải trí khác; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kinh doanh khai thác cảng biển (Kinh doanh có điều kiện); Bán buôn máy móc, thiết bị, và phụ tùng máy khác (Kinh doanh có điều kiện); Vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và viễn dương.



Xu hướng du lịch biển đảo đang từng bước hình thành với rất nhiều dư địa để phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch. Nhận thấy được tiềm năng to lớn này, Công ty luôn tập trung vào việc kinh doanh dịch vụ vận tải bằng phương tiện cao tốc nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, cũng như phát triển kinh tế, du lịch của khu vực.

Hiện nay, Công ty đang là hãng tàu hàng đầu trong các thị trường khai thác với đội tàu gồm 16 tàu cao tốc, phục vụ cho hành khách đi tới các đảo với các tuyến như sau:

Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, V, XII;

Tuyến Rạch Giá – Nam Du: Tàu cao tốc Superdong II, XI;

Tuyến Rạch Giá – Hòn Tre – Lại Sơn: Tàu cao tốc Superdong I, VI, X;

Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo: Tàu cao tốc Superdong Con Dao I, Con Dao II;

Tuyến Phan Thiết – Phú Quý: Tàu cao tốc Superdong Phu Quy I, Phu Quy II;

Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong IV, VII, VIII, IX;

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm tại tỉnh Kiên Giang, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tỉnh Bình Thuận của Việt Nam.

Hiện Công ty đang hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và trong khu vực địa lý là tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Cần Thơ và Bình Thuận.



## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI TÀU SUPERDONG

| STT | Tàu  | Thời gian chạy                    | Công suất máy chính | Sức chứa tối đa (hành khách) | Tốc độ (hải lý/giờ) | Số thuyền viên (người) |
|-----|--|-----------------------------------|---------------------|------------------------------|---------------------|------------------------|
| 1   | Tàu Superdong I                                    | 1 tiếng 30 phút                   | 2 x 800HP           | 171                          | 22                  | 10                     |
| 2   | Tàu Superdong II                                   | 2 tiếng 15 phút                   | 2 x 759kw           | 261                          | 25,5                | 10                     |
| 3   | Tàu Superdong III                                  | 1 tiếng 15 phút                   | 2 x 1040kw          | 306                          | 26,5                | 11                     |
| 4   | Tàu Superdong IV                                   | 2 tiếng 30 phút                   | 2 x 1040kw          | 306                          | 26,5                | 11                     |
| 5   | Tàu Superdong V                                    | 1 tiếng 20 phút                   | 2 x 759kw           | 275                          | 25,5                | 10                     |
| 6   | Tàu Superdong VI                                   | 1 tiếng 30 phút                   | 2 x 759kw           | 275                          | 25,5                | 10                     |
| 7   | Tàu Superdong VII và Superdong VIII (Chạy đối lưu) | 2 tiếng 15 phút                   | 2 x 1210kw          | 275                          | 29-30               | 10                     |
| 8   | Tàu Superdong IX                                   | 2 tiếng 15 phút                   | 2 x 1210kw          | 275                          | 29-30               | 10                     |
| 9   | Tàu Superdong X                                    | 1 tiếng 30 phút                   | 2 x 759kw           | 275                          | 26                  | 10                     |
| 10  | Tàu Superdong XI                                   | 02 tiếng                          | 2 x 759kw           | 275                          | 26                  | 10                     |
| 11  | Tàu Superdong XII                                  | 1 tiếng 05 phút                   | 2 x 1210kw          | 275                          | 29-30               | 10                     |
| 12  | Tàu Superdong Côn Đảo I                            | 2 tiếng 30 phút                   | 2 x 1040kw          | 306                          | 25,5-26,5           | 11                     |
| 13  | Tàu Superdong Côn Đảo II                           | 2 tiếng 30 phút                   | 2 x 1040kw          | 306                          | 25,5-26,5           | 11                     |
| 14  | Tàu Superdong Phú Quý I                            | 2 tiếng 15 phút - 2 tiếng 30 phút | 2 x 1210kw          | 306                          | 25,5-26,5           | 11                     |
| 15  | Tàu Superdong Phú Quý II                           | 2 tiếng 15 phút - 2 tiếng 30 phút | 2 x 1210kw          | 246                          | 25,5-26,5           | 11                     |

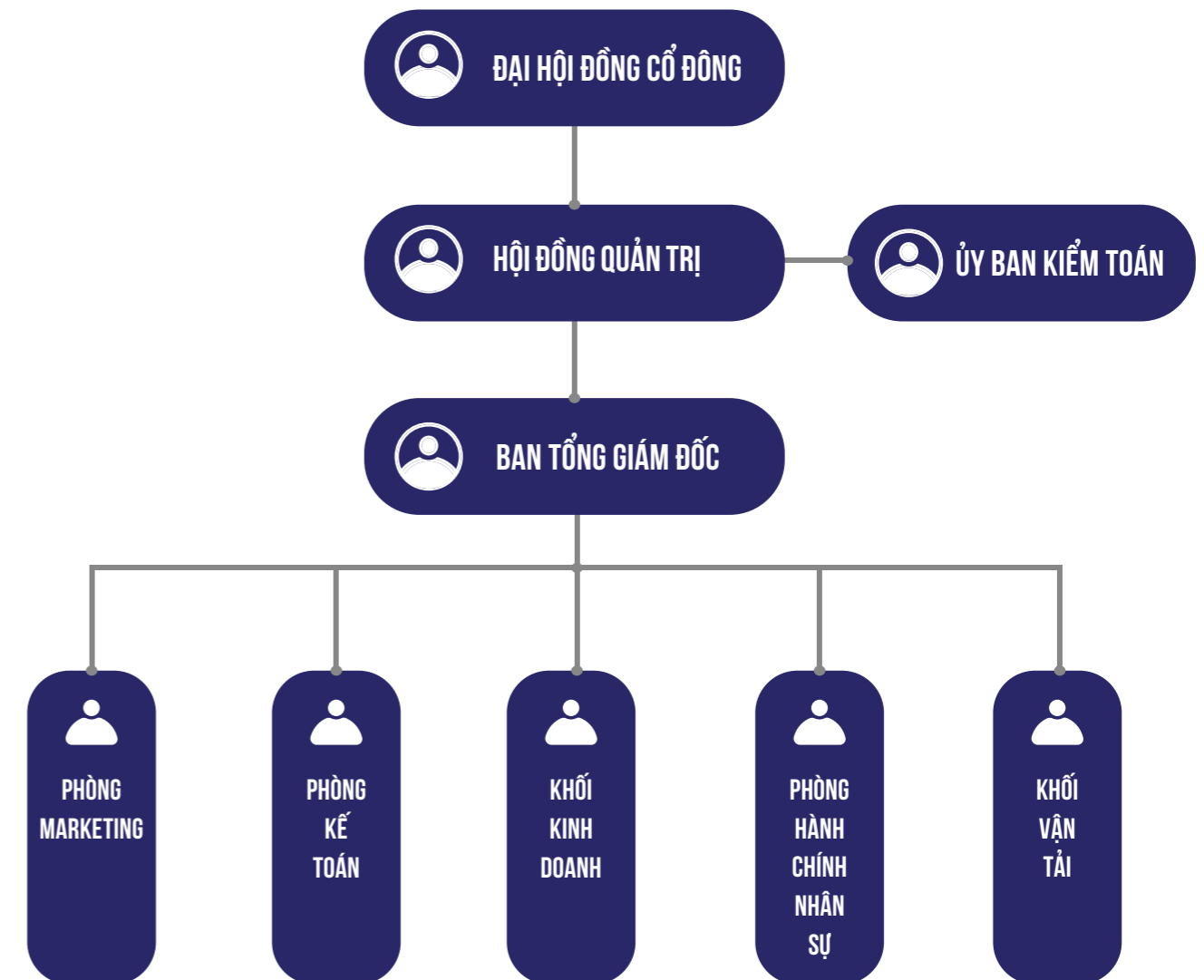
## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, bao gồm:

- » Đại hội đồng cổ đông
- » Hội đồng quản trị
- » Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
- » Ban Tổng Giám đốc

### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



### CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang có 01 trụ sở chính tại Phú Quốc; 04 chi nhánh tại Sóc Trăng, Côn Đảo, Phú Quý và Nam Du; 01 văn phòng đại diện ở TP Hồ Chí Minh. Ngoài ra Công ty còn mở một số phòng vé tại các tuyến tàu khai thác. Tính tới thời điểm hiện nay, Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Việc khai thác và mở rộng mạng lưới mô hình kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa đường biển, đặc biệt là các tuyến đường nối bờ với các đảo du lịch nổi tiếng tiếp tục là sứ mệnh của Công ty trong năm 2023. Đồng thời, với trọng tâm là nâng cao trải nghiệm của khách hàng, Công ty cam kết cung cấp dịch vụ chất lượng cao hơn thông qua triển khai chuyển đổi số trên diện rộng hệ thống quản lý, vận hành và dịch vụ của Công ty. Các mục tiêu chính trong năm 2023 của Công ty là:

### 1 Chiến lược nguồn nhân lực và quản lý nhân sự

Công ty đề cao sự quan trọng trong việc củng cố sự gắn kết với nhân viên, đặt con người vào vị trí quan trọng nhất trong chiến lược cạnh tranh. Qua việc đào tạo và nâng cao khả năng chuyên môn, Công ty tạo ra một đội ngũ nhân sự có nghiệp vụ, chuyên môn cũng như kiến thức chuyên sâu, kỹ năng cao, đồng thời thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới. Tăng cường đối thoại giữa các phòng ban một cách cởi mở và minh bạch, không chỉ tạo ra một môi trường làm việc tích cực mà còn thúc đẩy sự hiểu biết và đồng thuận giữa các bộ phận. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng chính sách quản lý và đánh giá hiệu quả công việc, đảm bảo mọi hoạt động được thực hiện theo đúng hướng, đóng góp tích cực vào mục tiêu tổng thể của Công ty.

### 2 Duy trì vị thế dẫn đầu và hợp tác với đối tác

Công ty giữ vững vị thế dẫn đầu trên thị trường vận chuyển hành khách, hàng hóa và củng cố vững chắc các mối quan hệ hợp tác với các đối tác quen thuộc và không ngừng mở rộng các đối tượng khách hàng. Thông qua việc mở rộng quy mô các tuyến tàu trong nước, Công ty không chỉ tạo ra thêm cơ hội kinh doanh mà còn đóng góp vào sự kết nối và phát triển bền vững của ngành vận tải.



### 3 Chuyển đổi số và trải nghiệm khách hàng

Công ty không chỉ triển khai các chiến lược chuyển đổi số mà còn tập trung vào cải thiện trải nghiệm của khách hàng. Việc cập nhật hệ thống quản lý nhằm giảm thời gian chờ đợi cho hành khách và tối ưu hóa quy trình vận hành là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Sử dụng công nghệ để quản lý dữ liệu cũng như theo dõi hiệu suất vận hành giúp tối ưu hóa các quy trình nội bộ, tăng cường hiệu suất và đáp ứng nhanh chóng với nhu cầu của khách hàng. Trong năm qua, Công ty đã tập trung áp dụng chuyển đổi số nên đã tối ưu hóa được trải nghiệm đặt vé và theo dõi thông tin chuyến đi cho khách hàng.

### 4 Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Bên cạnh mục tiêu kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Việc xây dựng chiến lược bền vững, giảm tác động tiêu cực đến môi trường và thúc đẩy các hoạt động thân thiện với môi trường là một cam kết lâu dài của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia vào các chiến dịch bảo vệ biển, duy trì nguồn tài nguyên biển và hợp tác với các tổ chức bảo vệ môi trường.



## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Nhằm duy trì và phát triển việc hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa của mình, Công ty đề ra mục tiêu và định hướng hoạt động như sau:

Xây dựng các chiến lược kinh doanh hiệu quả, lấy chất lượng phục vụ khách hàng làm trọng tâm, đa dạng hóa các sản phẩm, tăng cường nguồn thu. Tăng cường ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa, sáng tạo và đổi mới. Thúc đẩy kinh doanh số trong hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hóa.

Đầu tư vào phương tiện, cơ sở hạ tầng bằng cách mua sắm và nâng cấp đội tàu, đồng thời cải thiện khả năng xử lý hàng hóa tại các cảng biển. Các biện pháp này cũng đi kèm với việc áp dụng công nghệ thông tin để tối ưu hóa quy trình quản lý vận hành và theo dõi lịch trình.

Tăng cường và mở rộng kinh doanh các tuyến đường cũng như đa dạng hóa mô hình kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty còn không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, thường xuyên nâng cấp, bảo dưỡng, bảo trì các phương tiện nhằm đảm bảo sự an toàn và hiệu suất hoạt động.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Ngày nay, phát triển bền vững đã trở thành xu thế tất yếu chung và là trọng tâm của mọi chính sách phát triển. Không nằm ngoài xu thế này, Công ty luôn quan tâm đến những hoạt động nhằm giảm thiểu khí thải và tiếng ồn gây ô nhiễm môi trường. Công ty tập trung vào việc cải tiến đội tàu và ưu tiên sử dụng các nhiên liệu thân thiện với môi trường. Ngoài ra, Công ty còn xây dựng chiến lược phù hợp với các quy định và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường để giảm thiểu các tác nhân gây hại đến môi trường và xã hội.

Công ty chủ trương thực hiện chính sách lao động hợp lý, cạnh tranh để khuyến khích phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng suất lao động, đồng thời tạo điều kiện để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Bằng cách đó, Công ty mong muốn tạo ra môi trường làm việc tích cực và khuyến khích sự phát triển cá nhân của người lao động.

Bên cạnh quá trình hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình, Công ty vẫn luôn quan tâm đến các hoạt động xã hội như tổ chức quyên góp các đầu sách mới cho Thư viện huyện Phú Quý, đồng hành cùng Báo Người lao động trong chương trình "Tự hào cờ Tổ quốc" tại đảo tiền tiêu Phú Quý, tỉnh Bình Thuận, ... Điều này cho thấy cam kết của Công ty với trách nhiệm xã hội và mong muốn đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng. Bằng cách tham gia các hoạt động này, Công ty hy vọng sẽ tạo ra tác động tích cực đến môi trường và xã hội, đồng thời tăng cường hình ảnh và uy tín của mình trong ấn tượng của khách hàng, đối tác.



## CÁC RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023, tình hình nền kinh tế Việt Nam đã có xu hướng phục hồi, các chính sách thắt chặt tiền tệ và chính sách tài khóa của Chính phủ Việt Nam giúp kiểm soát lạm phát ở mức an toàn. Khối ngành du lịch và dịch vụ đã trải qua quá trình phục hồi đáng kể trong năm 2023. Theo thống kê từ Cục Du lịch quốc gia Việt Nam, tính đến cuối năm 2023, số lượng khách quốc tế đặt phòng đã đạt 12,6 triệu lượt, tăng đến 244,2% so với năm 2022. Điều này đồng nghĩa với mức tăng gấp 3,4 lần so với năm trước đó và vượt xa mục tiêu đặt ra ban đầu là 8 triệu lượt, làm nổi bật sự khôi phục và tăng trưởng đột phá của ngành này trong năm vừa qua. Từ đó cũng từng bước ảnh hưởng tích cực đến các nhóm ngành dịch vụ liên quan như vận tải, nhà hàng dịch vụ lưu động,... giúp lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng tăng đáng kể so với năm ngoái.

Ngoài những điểm tích cực như đã nêu trên, kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng; theo Tổng cục thống kê Việt Nam, GDP của Việt Nam cả năm 2023 chỉ tăng 5% so với kế hoạch đề ra (Kế hoạch năm 2023 GDP tăng 6,5%). Cùng với đó, giá dầu thế giới vẫn chưa giữ được mức ổn định do xung đột quân sự ở các nước Châu Âu và Trung Đông, gây ảnh hưởng đến nguồn cung dầu toàn cầu và mức tiêu thụ xăng dầu trong nước, từ đó

tác động đến giá nhiên liệu đầu vào của Công ty là dầu DO - chiếm khoảng 50% chi phí đầu vào của Công ty.

Năm 2023 được cho là năm khởi sắc của ngành du lịch Việt từ sau khi bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid -19, nhưng con số này chỉ bằng 70% so với năm 2019, số lượng khách đi tour giảm đáng kể do tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu, chi tiêu cho du lịch cũng giảm đi, lạm phát tăng cao nên người dân tăng cường xu hướng tiết kiệm hơn. Ngành du lịch gặp khó khăn cũng gây ảnh hưởng trực tiếp đến các công ty vận tải trong nước nói chung và Công ty nói riêng, tạo nên một thách thức lớn cho ngành vận chuyển hành khách do lượng khách tham gia các tour giảm sút đột ngột.

Trong quá trình hoạt động, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cố gắng theo dõi nền kinh tế chung nhằm đưa ra các quyết định chiến lược phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện tại nhằm phân tích và đưa ra chiến lược, quyết sách kịp thời để giảm thiểu rủi ro. Ban Lãnh đạo cũng luôn sẵn sàng xem xét và điều chỉnh chiến lược, kế hoạch kinh doanh để phản ánh chính xác thực tế thị trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh duy trì ổn định, nâng cao hiệu suất kinh doanh và linh hoạt đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng.

## CÁC RỦI RO

### RỦI RO NGUỒN NHÂN LỰC

Trong lĩnh vực vận tải biển, đặc thù của ngành đòi hỏi nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu, tích lũy kinh nghiệm liên tục và lâu dài. Công ty đối mặt với sự xuất hiện liên tục của các doanh nghiệp cạnh tranh trong ngành và sức hấp dẫn từ mức thu nhập của các hãng tàu biển quốc tế chạy đường dài. Nguồn nhân sự trong ngành vận tải biển nói chung và Công ty nói riêng luôn trong tình trạng khan hiếm và đặt trước thách thức cạnh tranh cao.

Trước thực trạng này, Công ty tập trung nâng cao chính sách phúc lợi, đãi ngộ, đào tạo và giữ vững môi trường làm việc ổn định và lâu dài, nhằm thu hút, giữ chân người lao động có trình độ chuyên môn cao. Mục tiêu của chính sách này không chỉ là thu hút tài năng mà còn là giữ chân những nhân sự có kinh nghiệm, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong thị trường đầy thách thức.

Ngoài ra, việc đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân sự không chỉ đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng mà còn giúp Công ty đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao từ phía khách hàng. Qua đào tạo, nhân sự có thể nắm bắt được những xu hướng mới, kỹ năng tiên tiến và có khả năng làm việc hiệu quả trên các tàu và phương tiện vận tải hiện đại.

### RỦI RO CẠNH TRANH

Hiện nay, ngành du lịch Việt Nam đang được định vị rõ nét hơn trên bản đồ thế giới. Theo Báo cáo tổng kết ngành du lịch, năng lực cạnh tranh của du lịch Việt tiếp tục được cải thiện so với năm 2022, sau khi đại dịch Covid -19 được phục hồi. Đó cũng là tiền đề cho sự phát triển của du lịch biển đảo trong cùng lĩnh vực, phát triển thêm nhiều loại hình dịch vụ, kinh doanh mới. Từ đó, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch biển đảo ngày càng khốc liệt hơn.

Trải qua hơn 20 năm hoạt động và phát triển, thương hiệu Superdong đã trở thành thương hiệu uy tín, tin cậy đối với các khách hàng và đối tác. Công ty luôn ý thức được cạnh tranh vừa là thử thách, vừa là động lực để vươn lên. Công ty xem thách thức này như một động lực mạnh mẽ, không ngừng xây dựng những chiến lược và giải pháp tiên phong để vươn lên dẫn đầu thị trường. Công ty cũng luôn linh hoạt điều chỉnh chiến lược, tăng sự uy tín để đáp ứng nhu cầu thay đổi từng ngày của thị trường.



## CÁC RỦI RO

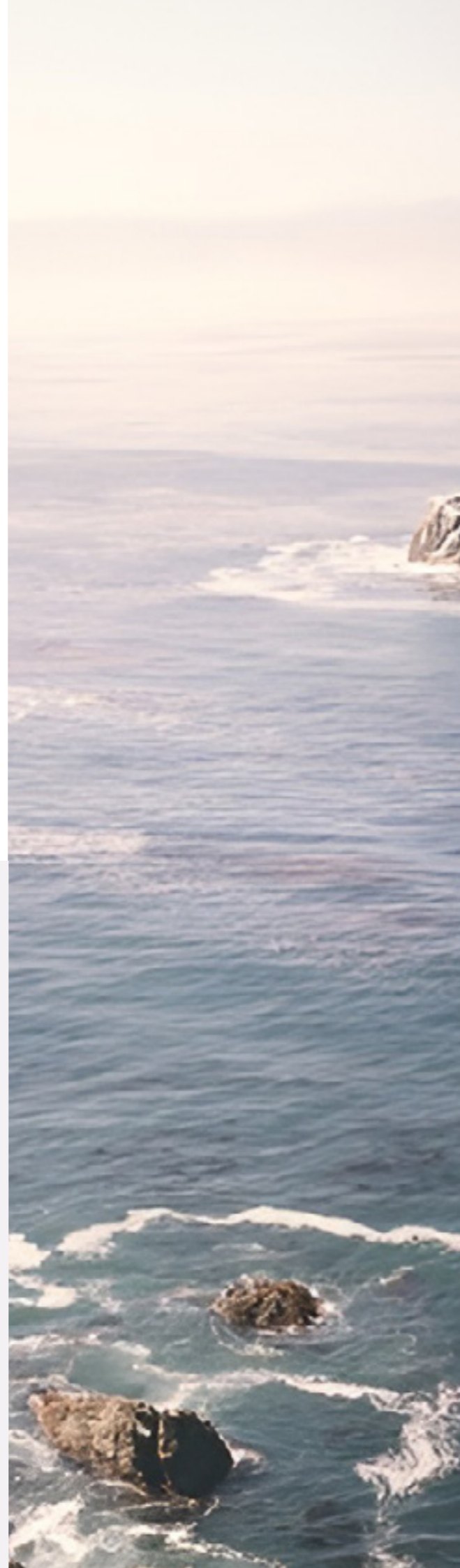
### RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải và được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên phải thích ứng với sự thay đổi của nhiều văn bản do pháp luật Việt Nam quy định như Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Hàng hải, Luật về thuế xuất nhập khẩu, ... Hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện và còn nhiều quy định còn trong quá trình cập nhật, chỉnh sửa. Để hạn chế ảnh hưởng của rủi ro này, Công ty không chỉ nắm rõ các quy định hiện hành mà còn liên tục cập nhật và theo dõi sự điều chỉnh, sửa đổi của các văn bản pháp luật. Công ty luôn có kế hoạch chuẩn bị và triển khai kịp thời những quy định mới từ phía Nhà nước để đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty không chỉ tuân thủ đúng quy định mà còn linh hoạt và hiệu quả trong bối cảnh môi trường pháp luật đang thay đổi liên tục.

### RỦI RO KHÁC

Cũng như các doanh nghiệp cùng ngành khác, Công ty không thể tránh khỏi những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, biến đổi khí hậu, cháy nổ hoặc ảnh hưởng từ các vấn đề chính trị và ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khác... Mặc dù khả năng xảy ra các rủi ro nêu trên là ít, nhưng chúng vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây tổn thất đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đảm bảo sự an toàn cho nhân viên và tài sản, đồng thời duy trì liên tục hoạt động kinh doanh và tránh mọi thiệt hại không mong muốn, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp phòng ngừa. Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn; thường xuyên kiểm tra thiết bị và cập nhật thông tin về thời tiết. Các biện pháp này hỗ trợ Công ty giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả, đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra liên tục và ổn định.



### RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm 2022, xung đột giữa Nga và Ukraine đã gây ra tác động về mặt kinh tế và chính trị toàn cầu làm giá dầu trong nước cũng như thế giới tăng đáng kể. Đến năm 2023, nguồn cung dầu đã được bảo đảm, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của người dân; tổng nguồn xăng dầu các loại cả năm ước tính khoảng 26,02 triệu m<sup>3</sup>/tấn. Tuy nhiên trong bối cảnh xung đột quân sự giữa Israel và phong trào Hồi giáo Hamas của Palestine như hiện nay vẫn còn ảnh hưởng đáng kể đến giá dầu trên thế giới. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) tiếp tục duy trì dự báo về tăng trưởng nhu cầu sử dụng dầu thô, mức tăng này chủ yếu đến từ sự lo ngại xung đột quân sự tại khu vực Trung Đông có thể lan rộng, gây ảnh hưởng đến nguồn cung dầu toàn cầu.

Nguồn nhiên liệu chủ yếu của Công ty là dầu DO, chiếm khoảng 50% chi phí kinh doanh chính. Biến động giá dầu có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế của Công ty. Công ty đã hạn chế rủi ro này bằng cách phát triển mối quan hệ hợp tác vững chắc với các nhà cung cấp nhiên liệu hàng đầu ở địa phương để đảm bảo giá nhiên liệu ổn định. Đồng thời, Công ty thực hiện các hoạt động điều phối tàu hợp lý và linh hoạt hơn, cùng với việc nâng cấp đội tàu để tối ưu hóa lợi nhuận và giảm tiêu thụ nhiên liệu. Các biện pháp này bao gồm việc áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm cải thiện hiệu suất đốt cháy và giảm lượng khí thải, cũng như đầu tư vào tàu mới và nâng cấp tàu cũ để tối ưu hóa việc sử dụng nhiên liệu, đảm bảo an toàn trong hoạt động vận tải.

### RỦI RO THỜI TIẾT

Vận tải đường thủy là một ngành kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tự nhiên như thời tiết, đặc biệt là các hiện tượng mưa, bão, lũ lụt và nhiều yếu tố khác. Các yếu tố này ảnh hưởng đến hoạt động vận tải, bao gồm lịch trình, tần suất khai thác, an toàn, tiêu hao nhiên liệu và trải nghiệm của khách hàng. Trong năm 2023, Kiên Giang nói chung và các địa bàn hoạt động của Công ty nói riêng đã phải đối mặt với rủi ro thời tiết khắc nghiệt khi phải hứng chịu các cơn bão lớn và gió mạnh, cụ thể là bão lớn ở Phú Quốc vào mùa hè và dịp lễ 2/9, gió mạnh tại các tuyến Phú Quốc - Rạch Giá, tuyến Phan Thiết - Phú Quý. Để đảm bảo an toàn cho hành khách và thuyền viên, Công ty đã có thời gian ngừng hoạt động ở những thời điểm này. Điều này đã ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc đảm bảo an toàn cho hành khách luôn luôn là yếu tố được ưu tiên hàng đầu. Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định về an toàn, sẵn sàng ứng phó nhanh chóng và đảm bảo trang bị đầy đủ các trang thiết bị an toàn cũng như đào tạo đội ngũ thuyền viên đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Bên cạnh đó, việc cải tiến, cải tạo, nâng cao chất lượng và an toàn cho đội tàu cũng là một yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả và cạnh tranh cho Công ty. Các chính sách quản lý an toàn cũng được thực hiện nghiêm ngặt; bao gồm: mua bảo hiểm cho thân tàu và hành khách, thuyền viên; cảnh báo và yêu cầu chấp hành nghiêm túc các quy định về an toàn hàng hải đối với hành khách...



# 2.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu             | Năm 2022 | Năm 2023 | % Tăng/giảm |
|----------------------|----------|----------|-------------|
| Doanh thu thuần      | 409.849  | 409.409  | (0,11%)     |
| Lợi nhuận trước thuế | 47.906   | 82.547   | 72,31%      |
| Lợi nhuận sau thuế   | 42.977   | 69.710   | 62,20%      |

Năm 2023, doanh thu thuần của Công ty đạt mức 409,4 tỷ đồng, gần như đi ngang so với năm 2022. Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm có sự phân hóa rất mạnh giữa nửa đầu năm và nửa cuối năm. 02 Quý đầu năm duy trì được kết quả rất khả quan nhưng 02 Quý cuối năm lại đối diện với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu gây mưa bão nhiều và lượng khách du lịch tới Phú Quốc có sự suy giảm đáng kể đã ảnh hưởng đến lịch trình khai thác của các tuyến. Tuy nhiên, nhờ tiết giảm được chi phí giá vốn hàng bán và tăng doanh thu từ hoạt động tài chính do khoản lãi tiền gửi ngân hàng đã giúp lợi nhuận trước và sau thuế

của Công ty tăng mạnh. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty đạt lần lượt 82,5 tỷ đồng và 69,7 tỷ đồng, tăng lần lượt 72,31% và 62,20% so với năm 2022.

Trong kỳ, Công ty cũng tập trung vào việc phát triển và nâng cấp các phương tiện vận tải nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong ngắn, trung và dài hạn. Cụ thể như, nâng cấp các tàu cao tốc phục vụ cho các tuyến Rạch Giá - Phú Quốc, tuyến Rạch Giá - Nam Du, tuyến Hà Tiên - Phú Quốc và triển khai việc thực hiện dự án đóng các phà cao tốc mới phục vụ cho tuyến Rạch Giá - Phú Quốc, tuyến Phan Thiết - Phú Quý và tuyến Vũng Tàu - Côn Đảo.

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu           | Năm 2022 | Năm 2023 | Kế hoạch 2023 | TH 2023/KH 2023 |
|--------------------|----------|----------|---------------|-----------------|
| Vốn điều lệ        | 633.317  | 633.317  | 633.317       | 100,00%         |
| Doanh thu thuần    | 409.849  | 409.409  | 477.619       | 85,72%          |
| Lợi nhuận sau thuế | 42.977   | 69.710   | 72.171        | 96,59%          |

Năm 2023, Công ty đã tận dụng được những yếu tố thuận lợi của tình hình kinh doanh trong 06 tháng đầu năm nhưng trong 06 tháng cuối năm do ảnh hưởng của mưa bão làm đình trệ lịch khởi hành của tất cả các tuyến và đặc biệt là sự suy giảm mạnh khách du lịch tới Phú Quốc do hiệu ứng từ các phương tiện truyền thông đã làm cho doanh thu thuần bị giảm mạnh, chỉ đạt 409,4 tỷ đồng, tương đương với 85,7% so với kế

hoạch đề ra. Nhờ vào sự nỗ lực rất lớn trong việc kiểm soát và tối ưu chi phí và nguồn lực tài chính vững vàng, dù lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 96,6% so với kế hoạch nhưng lại tăng trưởng 62,2% so với năm 2022 trong khi doanh thu thuần lại gần như đi ngang so với năm trước. Đây cũng được coi là một điểm sáng lớn đáng ghi nhận của Công ty trong năm qua.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## CƠ CẤU DOANH THU TỪNG TUYẾN

ĐVT: đồng

| Khoản mục                  | Năm 2022        |          | Năm 2023        |          | % Tăng/giảm |
|----------------------------|-----------------|----------|-----------------|----------|-------------|
|                            | Giá trị         | Tỷ trọng | Giá trị         | Tỷ trọng |             |
| Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc   | 81.924.074.722  | 19,99%   | 61.603.947.263  | 15,05%   | (24,80%)    |
| Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc  | 151.184.372.073 | 36,89%   | 130.400.622.252 | 31,85%   | (13,75%)    |
| Tuyến Rạch Giá – Nam Du    | 45.959.623.421  | 11,21%   | 47.658.260.879  | 11,64%   | 3,70%       |
| Tuyến Rạch Giá – Lại Sơn   | 48.471.334.850  | 11,83%   | 61.338.410.946  | 14,98%   | 26,55%      |
| Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo  | 26.167.112.201  | 6,38%    | 53.543.118.074  | 13,08%   | 104,62%     |
| Phà Hà Tiên-Phú Quốc       | 1.251.484.537   | 0,31%    | -               | -        | -           |
| Tuyến Phan Thiết – Phú Quý | 52.153.936.813  | 12,73%   | 51.169.170.767  | 12,50%   | (1,89%)     |
| Tuyến Nam Du – Phú Quốc    | -               | -        | 223.672.840     | 0,05%    | -           |
| Tuyến Phú Quốc – Thổ Châu  | 1.547.474.756   | 0,38%    | 1.926.514.547   | 0,47%    | 24,49%      |
| Tuyến Hà Tiên - Nam Du     | -               | -        | 75.527.266      | 0,02%    | -           |
| Bến tàu Trần Đề            | 280.007.414     | 0,07%    | 572.029.247     | 0,14%    | 104,29%     |
| Xe trung chuyển            | 910.290.573     | 0,22%    | 898.129.018     | 0,22%    | (1,34%)     |

## CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP TỪNG TUYẾN

ĐVT: đồng

| Khoản mục                  | Năm 2022         |          | Năm 2023        |          | % Tăng/giảm |
|----------------------------|------------------|----------|-----------------|----------|-------------|
|                            | Giá trị          | Tỷ trọng | Giá trị         | Tỷ trọng |             |
| Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc   | 24.097.741.081   | 25,24%   | 12.245.014.367  | 10,20%   | (49,19%)    |
| Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc  | 49.121.705.883   | 51,44%   | 41.106.038.071  | 34,23%   | (16,32%)    |
| Tuyến Rạch Giá – Nam Du    | 11.671.766.149   | 12,22%   | 21.625.289.959  | 18,01%   | 85,28%      |
| Tuyến Rạch Giá – Lại Sơn   | 13.362.710.479   | 13,99%   | 23.979.952.273  | 19,97%   | 79,45%      |
| Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo  | (238.134.961)    | (0,25%)  | 14.854.606.703  | 12,37%   | -           |
| Phà                        | (10.065.162.927) | (10,54%) | -               | -        | -           |
| Tuyến Phan Thiết – Phú Quý | 10.814.857.263   | 11,33%   | 9.948.961.678   | 8,28%    | (8,01%)     |
| Tuyến Nam Du – Phú Quốc    | (266.572)        | 0,00%    | 59.562.885      | 0,05%    | -           |
| Tuyến Phú Quốc – Thổ Châu  | 543.651.187      | 0,57%    | 257.560.249     | 0,21%    | (52,62%)    |
| Tuyến Hà Tiên – Nam Du     | -                | -        | 20.112.508      | 0,02%    | -           |
| Bến tàu Trần Đề            | (2.267.313.824)  | (2,37%)  | (2.511.490.712) | (2,09%)  | 10,77%      |
| Xe trung chuyển            | (1.552.914.516)  | (1,63%)  | (1.495.935.770) | (1,25%)  | (3,67%)     |

Năm 2023, sức hút của du lịch Phú Quốc bị ảnh hưởng lớn do các hiệu ứng truyền thông đã gây nên nhiều biến động trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty. Tỷ trọng của tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và tuyến Rạch Giá – Phú Quốc suy giảm so với cùng kỳ về doanh thu lần lượt là, từ 20,0% xuống 15,0% và từ 36,9% xuống 31,9% và về lợi nhuận gộp lần lượt là 25,2% xuống 10,2% và từ 51,4% xuống 34,2%. Ở chiều ngược lại, năm qua cũng chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của các tuyến Rạch Giá – Nam Du, tuyến Rạch Giá – Lại Sơn và tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo đã giúp các tuyến này đóng góp rất tích cực vào cơ cấu tỷ trọng về doanh thu và lợi nhuận gộp. Tăng trưởng về lợi nhuận gộp của 03 tuyến này so với cùng kỳ đạt lần lượt là 85,3%, 79,5% và 633,8%.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2022

| STT | Thành viên HĐQT          | Chức vụ                  | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                              |
|-----|--------------------------|--------------------------|--|------------------------------|
|     |                          |                          | Ngày bổ nhiệm  | Ngày miễn nhiệm              |
| 1   | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Chủ tịch HĐQT            | 27/04/2018   |                              |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó Chủ tịch HĐQT        | 27/04/2018   |                              |
| 3   | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên HĐQT kiêm TGD | 27/04/2018   |                              |
| 4   | Ông Phan Hồng Phúc       | Thành viên HĐQT độc lập  | 27/04/2018   |                              |
| 5   | Bà La Xuân Đào           | Thành viên HĐQT độc lập  | 27/04/2018   | Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023 |
| 6   | Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ     | Thành viên HĐQT          | 27/04/2018   | Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023 |
| 7   | Ông Tăng Siêu Tâm        | Thành viên HĐQT          | 27/04/2018   | Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023 |

### Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027

| STT | Thành viên HĐQT          | Chức vụ                      | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 |
|-----|--------------------------|------------------------------|--|-----------------|
|     |                          |                              | Ngày bổ nhiệm  | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Phan Hồng Phúc       | Chủ tịch HĐQT                | 27/04/2023   |                 |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó Chủ tịch HĐQT            | 27/04/2023   |                 |
| 3   | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên HĐQT kiêm TGD     | 27/04/2023   |                 |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | 27/04/2023   |                 |
| 5   | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Thành viên HĐQT              | 27/04/2023   |                 |
| 6   | Ông Bùi Tiến Đức         | Thành viên HĐQT độc lập      | 27/04/2023   |                 |
| 7   | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên HĐQT độc lập      | 27/04/2023   |                 |

## LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông Phan Hồng Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Ngày sinh: 12/01/1980

+ Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán;
- Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng;
- Chứng nhận bồi dưỡng Kiểm toán viên.

+ Quá trình công tác:

Từ 2003 – 2005: Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Trung Lập;

Từ 2006 – 2007: - Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM DV Ròng Lửa;  
- Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất.

Từ 2008 – 2015: - Kế toán trưởng Công ty TNHH May Effort;  
- Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ;  
- Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất.

Từ 2016 - 2023: - Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam);  
- Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

Từ 04/2018 - 04/2023: Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

Từ 05/2018 – 04/2023: Chủ tịch Ủy ban kiểm toán CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

Từ 27/04/2023 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

### Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Ngày sinh: 07/04/1986

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật Kinh tế.

+ Quá trình công tác:

Từ 2010 – 04/2018: Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.

Từ 04/2018 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 14.844 cổ phần, chiếm 0,023% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Cá nhân sở hữu: 14.844 cổ phần, chiếm 0,023% vốn điều lệ.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Quan hệ với Người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|
| Ông Âu Chí Toàn        | Chồng                    | 6,483              | 0,01%                 |

## LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

### Ông Puan Kwong Siing - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- + Ngày sinh: 14/06/1965
- + Trình độ chuyên môn: Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp.
- + Quá trình công tác:
- Từ 1987 – 1989: Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD.
- Từ 1994 – 1999: Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD.
- Từ 1990 - 05/2014: Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN.BHD.
- Từ 1990 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDNBHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD.
- Từ 2008 – 2009: Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
- Từ 2010 đến nay: - Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;  
- Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 10.100.757 cổ phần, chiếm 15,95% vốn điều lệ.  
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.  
- Cá nhân sở hữu: 10.100.757 cổ phần, chiếm 15,95% vốn điều lệ.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan               | Quan hệ với Người nội bộ   | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|--------------------------------------|--|--------------------|-----------------------|
| Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD | Ông Puan Kwong Siing là thành viên HĐQT Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD | 3.094.812          | 4,89%                 |
| Ông Puan Chiong                      | Anh trai   | 3.075.075          | 4,86%                 |
| Bà Kong Mee Ling                     | Chị dâu  | 1.586.308          | 2,50%                 |
| Ông Bruce Ting Siaw Lung             | Em rể  | 9.310              | 0,01%                 |

### Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- + Ngày sinh: 13/08/1979
- + Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.
- + Quá trình công tác:
- Từ 2001 - 2007: Quản lý sản xuất Công ty Lead Well Industrial Việt Nam.
- Từ 2008 - 2010: Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan.
- Từ 2011 - 5/2016: Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- Từ 06/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- Từ 5/2023 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 33.101 cổ phần, chiếm 0,052% vốn điều lệ.  
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.  
- Cá nhân sở hữu: 33.101 cổ phần, chiếm 0,052% vốn điều lệ.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan  | Quan hệ với Người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|-------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|
| Ông Nguyễn Văn Bớt      | Cha ruột                 | 356                | 0,00%                 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo | Mẹ ruột                  | 356                | 0,00%                 |
| Ông Võ Quang Lộc        | Chồng                    | 356                | 0,00%                 |
| Ông Nguyễn Văn Lợi      | Em rể                    | 139.790            | 0,22%                 |
| Ông Nguyễn Thanh Phong  | Em trai                  | 356                | 0,00%                 |

## LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

### Bà Hà Nguyệt Nhi - Thành viên Hội đồng quản trị

- + Ngày sinh: 12/09/1981
- + Trình độ chuyên môn:
- Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004;
  - Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- + Quá trình công tác:
- Từ 2003 – 2007: Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang.
- Từ 2008 – 2009: Phó Phòng Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- Từ 2010 – 2011: Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- Từ 04/2011 - 04/2014: Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- Từ 2012 - 04/2014: Giám đốc Hành chính – Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- Từ 04/2014 - 04/2023: Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.
- Từ 05/2023 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.781.166 cổ phần, chiếm 7,55% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 4.781.166 cổ phần, chiếm 7,55% vốn điều lệ.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

| Tên người có liên quan | Quan hệ với Người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu |
|------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------|
| Bà Vương Lục Muội      | Mẹ                       | 356                | 0,00%                 |
| Ông Hà Vĩ Bàn          | Anh trai                 | 34.538             | 0,05%                 |

### Ông Bùi Tiến Đức - Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

- + Ngày sinh: 25/08/1988
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp
- + Quá trình công tác:
- Từ 2015 - 2019: Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT
- Từ 2020 đến nay: Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset
- Từ 2022 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần CIC39
- Từ 05/2023 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần CIC39;
  - Trưởng phòng Tư vấn Đầu tư Công ty CP Chứng khoán Mirae Asset.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

### Bà Nguyễn Bích Nghĩa – Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán

- + Ngày sinh: 16/04/1976
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính
- + Quá trình công tác:
- Từ năm 1999 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hòa Bình Việt Nam.
- Từ năm 2016 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình Phú Quốc.
- Từ 2019 đến nay: Thành viên BKS Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.
- Từ 5/2023 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên UBKT Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang.
- + Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hòa Bình Việt Nam;
  - Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình Phú Quốc;
  - Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
  - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- + Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Thành viên             | Chức vụ                                | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------------|--|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Puan Kwong Siing   | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc     | 10.100.757         | 15,95%       |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 33.101             | 0,052%       |
| 3   | Bà Bùi Thị Hồng Đào    | Kế toán trưởng                         | 0                  | 0,00%        |

#### Ông Puan Kwong Siing - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty).

#### Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty).

#### Bà Bùi Thị Hồng Đào – Kế toán trưởng

+ Ngày sinh: 22/10/1984

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

+ Quá trình công tác:

06/2007 – 05/2009: Kế toán Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng CTS Software.

06/2009 – 04/2014: Trưởng phòng Kế toán TKM Group (gồm 3 Công ty và 1 Cửa hàng):

- Công ty Cổ phần Chúng Ta Đẹp;

- Công ty TNHH Toàn Phúc;

- DNTN TM Thiện Kim;

- Cửa hàng Hưng Thuận.

05/2014 – 08/2019: Kế toán trưởng tại YouNet Group (gồm 6 Công ty và 1 Văn phòng):

- Công ty Cổ phần YouNet;

- Công ty Cổ phần YouNet Media;

- Công ty Cổ phần YouNet Social Intranet;

- Công ty Cổ phần YouNet Digital;

- Công ty Cổ phần Buzz Metrics;

- Công ty Cổ phần Smart City;

- Văn phòng tại US - YouNet LLC.

09/2018 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang.

+ Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

+ Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

### NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2023, Công ty không có sự thay đổi trong Ban Điều hành.

### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

Cơ cấu nhân sự tính tại ngày 31/12/2023

| STT              | Tính chất phân loại                        | Năm 2022         |                | Năm 2023         |                |
|------------------|--|------------------|----------------|------------------|----------------|
|                  |  | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%)   | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%)   |
| <b>I</b>         | <b>Theo trình độ lao động</b>              | <b>322</b>       | <b>100,00%</b> | <b>329</b>       | <b>100,00%</b> |
| 1                | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 105              | 32,60%         | 109              | 33,13%         |
| 2                | Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 78               | 24,20%         | 80               | 24,32%         |
| 3                | Sơ cấp và công nhân Kỹ thuật               | 94               | 29,20%         | 105              | 31,91%         |
| 4                | Trình độ lao động phổ thông                | 45               | 14,00%         | 35               | 10,64%         |
| <b>II</b>        | <b>Theo giới tính</b>                      | <b>322</b>       | <b>100,00%</b> | <b>329</b>       | <b>100,00%</b> |
| 1                | Nam  | 229              | 71,12%         | 240              | 72,95%         |
| 2                | Nữ   | 93               | 28,88%         | 89               | 27,05%         |
| <b>III</b>       | <b>Theo thời hạn HĐLĐ</b>                  | <b>322</b>       | <b>100,00%</b> | <b>329</b>       | <b>100,00%</b> |
| 1                | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm               | 4                | 1,20%          | 5                | 1,52%          |
| 2                | Hợp đồng có thời hạn từ 1-3 năm            | 104              | 32,30%         | 89               | 27,05%         |
| 3                | Hợp đồng không xác định thời hạn           | 214              | 66,50%         | 235              | 71,43%         |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>322</b>       | <b>100,00%</b> | <b>329</b>       | <b>100,00%</b> |

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

| Chỉ tiêu                              | Năm 2019   | Năm 2020   | Năm 2021   | Năm 2022   | Năm 2023   |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người)  | 401        | 392        | 339        | 322        | 329        |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 10.166.158 | 10.800.857 | 10.488.062 | 12.095.478 | 13.909.150 |

## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Công ty xây dựng môi trường làm việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; nhân viên được trang bị đầy đủ các trang thiết bị làm việc, phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động cần thiết. Văn hóa làm việc tại Công ty luôn được xây dựng theo hướng chuyên nghiệp, có trách nhiệm, tạo cơ hội phát triển bản thân cho CBNV.

Công đoàn Công ty sẽ chăm lo đời sống cho người lao động tham gia tổ chức Công đoàn, thông qua các chính sách thăm hỏi người lao động như động viên trong các trường hợp nhân viên, gia đình có người ốm; tặng quà cho nhân viên khi cưới hỏi; tặng quà cho nhân viên nữ nhân ngày 8/3 và 20/10; tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân ngày 1/6, trung thu, quà tặng nhân dịp sinh nhật, quà tết,...

Các cán bộ, công nhân viên không chỉ được đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi nhất để nâng cao trình độ, cải thiện kỹ năng và có cơ hội phát triển nghề nghiệp mà còn được hưởng các chế độ đãi ngộ và phúc lợi khác như: Chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, vai trò, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế theo từng vị trí công việc. Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật lao động về các chế độ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ...

### Chính sách tuyển dụng

Kế hoạch tuyển dụng: Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự phù hợp.

Thông báo tuyển dụng: Các yêu cầu tuyển dụng của Công ty trước hết sẽ được đăng tải trên Website của Công ty và trên các trang Thông tin điện tử khác.

Nguyên tắc tuyển dụng: Đảm bảo Công khai – Công bằng – Bình đẳng cho mọi đối tượng phù hợp.

### Chính sách tuyển dụng

Yêu cầu tuyển dụng: Các thông tin chi tiết về hồ sơ và tiêu chuẩn xét tuyển được thông báo cụ thể trên Website của Công ty hoặc trên các trang tuyển dụng.

Trình tự tuyển dụng: Các ứng viên xin tuyển dụng phải nộp hồ sơ cho Bộ phận nhân sự (Văn phòng Công ty). Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, ứng viên sẽ được mời đến kiểm tra về kiến thức, kỹ năng và dự phỏng vấn. Kết quả sẽ được Bộ phận nhân sự hoặc Ban chuyên môn thông báo cho ứng viên sau khi có báo cáo tổng kết về quá trình tuyển dụng.

### Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Đào tạo: Người lao động nào cũng mong muốn được phát triển, hoàn thiện kỹ năng, kiến thức chuyên môn để làm việc tốt hơn và nhiều cơ hội thăng tiến. Vì vậy, Công ty thường xuyên tạo điều kiện cho người lao động được tham gia các lớp huấn luyện kỹ năng, đào tạo chuyên môn và tạo cơ hội cho người lao động thăng tiến cũng như các chương trình luân chuyển vị trí, tái thiết kế công việc nhằm mục đích đào tạo nguồn nhân lực kế thừa hoặc đề bạt quản lý, đây cũng chính là động lực để nhân viên gắn bó, cống hiến cho Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách cho nhân viên được tạm ứng chi phí để tham gia các khóa đào tạo. Người lao động sau khi tham gia đào tạo, cam kết làm việc tại Công ty ít nhất thời gian 12 tháng và hoàn trả học phí tham gia đào tạo cho Công ty.

Vì sự phát triển bền vững trong tương lai, Công ty luôn tạo điều kiện cho nhân viên được tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng và phục vụ tốt cho công việc. Nhân viên, thuyền viên đảm bảo có trình độ chuyên môn, kỹ thuật phù hợp, có kinh nghiệm chuyên sâu và kỹ năng tốt nhất để đáp ứng yêu cầu công việc.

Kế hoạch 2024: Công ty sẽ tạo điều kiện tối đa cho người lao động tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

### Chính sách an toàn, bảo hộ lao động

Nhân viên, thuyền viên làm việc tại Công ty đều được trang bị đầy đủ các công cụ, dụng cụ và các phương tiện để hoàn thành công việc bao gồm 03 bộ đồng phục/năm/nhân viên, được đào tạo về an toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động cần thiết. Văn hóa làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm, tạo cơ hội phát triển bản thân đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty tổ chức khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn thể nhân viên, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên,... theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó để bảo vệ người lao động, tránh những rủi ro có thể xảy ra, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển (P&I) cho tất cả người trên tàu (bao gồm hành khách và người lao động làm việc trực tiếp trên tàu).

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Nhằm tiến hành triển khai chiến lược kinh doanh trung và dài hạn để gia tăng vị thế đầu ngành và mở rộng kinh doanh ra các thị trường tiềm năng trong và ngoài nước, Công ty đang triển khai thực hiện các Nghị quyết Hội đồng quản trị về các khoản đầu tư đóng mới các phà cao tốc và phà cao tốc thế hệ mới. Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng đóng phà mới cho “Dự án đóng mới phà cao tốc 03 thân” gồm 02 chiếc phà cao tốc với vốn đầu tư khoảng 11,2 triệu USD, tương đương khoảng 264 tỷ đồng. Dự án này nhằm mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, cung cấp đa dạng dịch vụ bao gồm vận chuyển hành khách, xe máy, ô tô và hàng hóa tại vùng biển Việt Nam. Tuyến trình hoạt động dự kiến của các phà cao tốc này là ở khu vực vùng biển Phú Quốc, Phú Quý; Vũng Tàu – Côn Đảo.

Với mục tiêu đem lại thuận tiện và đa dạng cho cộng đồng địa phương, nhà đầu tư và du khách trong và ngoài nước, Công ty đã chính thức khai trương tuyến Hà Tiên – Nam Du và tiếp tục hoạt động tuyến Phú Quốc – Nam Du từ ngày 06/05/2023. Đây là bước tiến quan trọng không chỉ mở rộng lựa chọn giao thông biển mà còn tạo ra sự linh hoạt, đồng thời cải thiện trải nghiệm du lịch và kết nối giữa các địa điểm du lịch nổi tiếng trong khu vực. Việc mở rộng hoạt động khai thác các tuyến trình của Công ty sẽ đóng góp tích cực vào việc cải thiện chất lượng mạng lưới giao thông, kết nối đất liền với hai thiên đường biển đảo Phú Quốc và Nam Du, từ đó đóng góp một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế và du lịch của địa phương, đồng thời đáp ứng tốt hơn nhu cầu về di chuyển của cộng đồng. Đặc biệt, việc mở rộng tuyến trình mới từ Hà Tiên đi Nam Du và ngược lại không chỉ mang lại sự thuận tiện mà còn giúp tiết kiệm chi phí so với việc tuyến trình từ Hà Tiên đến Phú Quốc và từ Phú Quốc đến Nam Du.

### CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện tại, Công ty không có công ty con và công ty liên kết.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                          | Năm 2022 | Năm 2023                       | % 2023/2022 |
|-----|-----------------------------------|----------|--------------------------------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản              | 857.093  | 897.399                        | 4,70%       |
| 2   | Doanh thu thuần                   | 409.849  | 409.409                        | (0,11%)     |
| 3   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 47.157   | 76.907                         | 63,09%      |
| 4   | Lợi nhuận khác                    | 749      | 5.640                          | 652,29%     |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế              | 47.906   | 82.546                         | 72,31%      |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                | 42.977   | 69.710                         | 62,20%      |
| 7   | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 5%       | 5% tiền mặt và 5% cổ phiếu (*) | -           |

(\*) Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2023 và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 sắp tới.

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu  | ĐVT  | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>            |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                         | Lần  | 31,11    | 35,87    |
| Hệ số thanh toán nhanh                            | Lần  | 28,87    | 33,96    |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                     |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                             | %    | 1,53     | 1,71     |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                           | %    | 1,55     | 1,74     |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>             |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                            | Vòng | 10,96    | 9,86     |
| Vòng quay tổng tài sản                            | Vòng | 0,49     | 0,47     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>              |      |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần          | %    | 10,49    | 17,03    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | %    | 5,23     | 8,08     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân   | %    | 5,15     | 7,95     |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần   | %    | 11,51    | 18,78    |



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2023, khả năng thanh toán và tình hình tài chính của Công ty tăng nhẹ so với năm 2022. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tăng lên mức 35,87 và 33,96 lần, lần lượt tăng 15,30% và 17,63% so với năm trước đó. Điều này chứng tỏ rằng Công ty có mức thanh khoản rất tốt, giúp Công ty tránh khỏi các rủi ro về thanh khoản đặc biệt là trong thời kỳ kinh tế khó khăn như hiện nay. Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty không quá lớn, chủ yếu là các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp và nhân viên. Nhìn chung, Công ty đang giữ được nguồn lực tài chính bền vững, mức độ thanh khoản được đảm bảo, nhờ vậy Công ty vẫn đảm bảo được tính chủ động trong hoạt động kinh doanh và đầu tư trong tương lai.



### CƠ CẤU VỐN

Công ty đã ghi nhận một sự tăng nhẹ về cơ cấu vốn, cụ thể là Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2023 là 1,71% và 1,74%, lần lượt tăng 11,76% và 12,25% so với năm 2022. Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần điều chỉnh lãi suất cho vay trong nước để kiểm soát lạm phát, khiến lãi suất cho vay vẫn luôn giữ ở mức cao. Vì thế, Công ty vẫn tập trung sử dụng tốt nguồn vốn chủ sở hữu thay vì dùng đòn bẩy từ nguồn vốn vay, việc này giúp Công ty tránh những rủi ro từ biến động từ lãi suất ngân hàng và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được bền vững hơn.

### NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2023, vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty vẫn giữ mức ổn định, không biến động nhiều so với năm ngoài. Các mặt hàng tồn kho chủ yếu của Công ty bao gồm phụ tùng, dầu DO, nhiên liệu, vật liệu và hàng hóa phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh. Mặc dù nguồn cung nguyên vật liệu trên thế giới và cả Việt Nam vẫn đang bị thiếu hụt nhưng Công ty vẫn quản lý tốt các mặt hàng tồn kho nhằm đảm bảo cung cấp nguyên liệu kịp thời và cung ứng cho hoạt động kinh doanh.

### KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ số về khả năng sinh lời đã ghi nhận một sự tăng đáng kể trong năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lần lượt đạt 69,71 tỷ đồng và 76,9 tỷ đồng, tăng lần lượt 62,20% và 63,09% so với cùng kỳ năm trước. Việc tăng trưởng ở cả lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là do Công ty đã thực hiện các chiến lược kinh doanh có hiệu quả và quản lý tài chính một cách chặt chẽ.

Tuy nhiên, để duy trì và phát triển trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi và đánh giá môi trường kinh doanh để có khả năng thích nghi nhanh chóng và điều chỉnh chiến lược kinh doanh của mình. Việc này giúp đảm bảo rằng Công ty vẫn giữ được sự linh hoạt và đồng bộ trong bối cảnh thị trường biến động. Các chính sách kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và nâng cao hiệu suất kinh doanh của Công ty trong tương lai.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU



**633.317.350.000** đồng

**VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2023)**

**Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 63.331.735 cổ phiếu

**Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 63.331.735 cổ phiếu

**Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Cổ phiếu phổ thông:** 63.331.735 cổ phiếu

**Cổ phiếu ưu đãi:** 0 cổ phiếu

**Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu

**Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:** 0 cổ phiếu

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 26/05/2023

| STT | Loại cổ đông       | Số cổ phần        | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ sở hữu   |
|-----|--------------------|-------------------|------------------------|----------------|
| I   | Cổ đông Nhà nước   | -                 | -                      | -              |
| II  | Cổ đông trong nước | 39.913.970        | 399.139.690.000        | 63,02%         |
| 1   | Cổ đông cá nhân    | 37.525.821        | 375.258.220.000        | 59,25%         |
| 2   | Cổ đông tổ chức    | 2.388.148         | 23.881.490.000         | 3,77%          |
| III | Cổ đông nước ngoài | 23.417.766        | 234.177.670.000        | 36,98%         |
| 1   | Cá nhân            | 20.775.015        | 207.750.160.000        | 32,08%         |
| 2   | Tổ chức            | 2.642.751         | 26.427.520.000         | 4,17%          |
|     | <b>Tổng cộng</b>   | <b>63.331.735</b> | <b>633.317.250.000</b> | <b>100,00%</b> |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49% theo Công văn số 3110/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/05/2022 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:

| Thời điểm | Vốn điều lệ | Phương thức tăng vốn                                   |
|-----------|-------------|--|
| 2010      | 90,0 tỷ     | Chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH sang CTCP |
| 2011      | 83,5 tỷ     | Điều chỉnh Vốn điều lệ bằng đúng số vốn thực góp       |
| 2011      | 108,2 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010                 |
| 2011      | 113,2 tỷ    | Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu                  |
| 2012      | 147,2 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011                 |
| 2012      | 171,3 tỷ    | Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 1 bằng cổ phiếu            |
| 2012      | 174,7 tỷ    | Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 2 bằng cổ phiếu            |
| 2014      | 199,9 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013                 |
| 2015      | 244,7 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và ESOP 2015    |
| 2016      | 342,7 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015                 |
| 2017      | 479,8 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016                 |
| 2018      | 575,7 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017                 |
| 2019      | 633,3 tỷ    | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018                 |

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Hiện tại, Công ty không có cổ phiếu quỹ nên trong năm 2023, Công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu quỹ nào.



# 3.

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của BTGD đối với ý kiến kiểm toán

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2023

Trong năm 2023, theo thống kê từ Cục Du lịch quốc gia Việt nam, khối ngành du lịch và dịch vụ ở Việt Nam đã phục hồi đáng kể nhờ vào những chính sách hiệu quả của Nhà nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng được hưởng lợi nhiều từ sự tăng trưởng này, thể hiện rõ nhất thông qua sự tăng trưởng mạnh mẽ của tuyến Rạch Giá – Lại Sơn và tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo. Là một doanh nghiệp vận tải đường thủy, năm qua hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, trong đó đáng chú ý đến các yếu tố gây khó khăn như:



### Điều kiện thời tiết và biến đổi khí hậu

Năm qua, vào các dịp cao điểm như mùa hè và các dịp lễ, tình hình thời tiết ở Phú Quốc chuyển biến xấu, mưa bão kéo dài liên tục làm cho hoạt động các tuyến tàu đến Phú Quốc buộc phải tạm dừng, phát sinh lượng khách hủy chuyến nhiều. Ngoài ra, gió mạnh tại các tuyến Phú Quốc - Rạch Giá, tuyến Phan Thiết - Phú Quý khiến tàu phải ngừng hoạt động hơn 10 ngày đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới doanh thu của Quý IV và Công ty đã phải ghi nhận khoản lỗ gần 7 tỷ đồng cho Quý này. Trước tình hình biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, Công ty phải nghiên cứu xu hướng biến động của thời tiết, thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết để bố trí lịch trình cho phù hợp để đảm bảo an toàn cho hành khách và giảm thiểu các tác động tiêu cực từ các điều kiện thời tiết ngày càng cực đoan.



### Tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường

Cạnh tranh giúp khách hàng có nhiều lựa chọn hơn về sản phẩm, dịch vụ với giá cả và chất lượng khác nhau, thúc đẩy Công ty phải luôn đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động, từ đó góp phần phát triển ngành. Tuy nhiên, sự cạnh tranh về giá cả, dịch vụ, chất lượng,... cũng làm gia tăng chi phí hoạt động, đặc biệt là chi phí bán hàng gây áp lực rất lớn lên hiệu quả hoạt động của Công ty.



### Các quy định hiện hành

Sự thiếu nhất quán trong các quy định điều chỉnh hoạt động của Công ty và hệ quả của việc chấn chỉnh lĩnh vực đăng kiểm của cơ quan quản lý Nhà nước. Mặc dù Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Thông tư quy định về định biên an toàn tối thiểu tàu biển mới cho phép miễn/giảm một số chức danh, về cơ bản đã giải quyết được một số khó khăn trước mắt cho Công ty trong việc thiếu hụt thuyền viên nhưng về lâu dài vẫn thiếu nguồn thuyền viên có trình độ chuyên môn cao khi số lượng phương tiện đưa vào hoạt động liên tục tăng như hiện tại. Hệ thống pháp luật tuy có nhiều cải tiến nhưng vẫn chưa hoàn thiện, còn tồn tại một số quy định bất cập chòng chéo giữa các ngành, thủ tục hành chính còn rườm rà gây khó khăn trong việc triển khai các hoạt động của Công ty. Việc giải quyết những tiêu cực trong ngành đăng kiểm trong thời gian vừa qua đã góp phần đảm bảo an toàn giao thông, tạo môi trường kinh doanh công bằng và thúc đẩy sự phát triển của ngành vận tải. Tuy nhiên, tình trạng ùn tắc, thiếu hụt nhân sự tại các trung tâm đăng kiểm khiến cho việc kiểm định phương tiện thiếu tính kịp thời và linh động, ảnh hưởng đến việc bố trí lịch trình hoạt động và làm tăng chi phí cho việc kiểm tra định kỳ của tàu, và các chi phí nhân công khác cho thuyền viên trong quá trình chờ đợi như chi phí lưu trú, ăn uống, đi lại,...



### Hạ tầng giao thông chưa hoàn thiện và tiến độ triển khai các dự án

Hệ thống cơ sở hạ tầng bến/cảng cho tàu hoạt động đạt tiêu chuẩn tại một số đảo còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu của du khách. Quá trình thi công, nâng cấp, sửa chữa cầu cảng còn chậm tiến độ làm cho Công ty thiếu tính chủ động trong việc bố trí tàu hoạt động. Tiến độ hoàn cải và đóng mới các tàu kéo dài do ảnh hưởng của một số việc phát sinh trong quá trình diễn ra dịch bệnh kéo dài đến hiện nay. Và, Công ty vẫn chưa chính thức triển khai được hệ thống app đặt vé trên thiết bị di động để hoạt động song hành cùng hệ thống bán vé điện tử. Hiện, Công ty vẫn đang nỗ lực đẩy nhanh tiến độ nhằm hoàn tất các dự án đã được phê duyệt.



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Bên cạnh những khó khăn kể trên, năm 2023 Công ty cũng nỗ lực triển khai thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy hiệu quả kinh doanh, Chương trình kỉ niệm 20 năm thành lập Công ty được triển khai hiệu quả, thu hút đông đảo khách hàng quan tâm, theo dõi. Công ty đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ của công nghệ, giao dịch trực tuyến, thanh toán trực tuyến vào trong các mặt từ hoạt động điều hành đến hoạt động kinh doanh như hệ thống đặt vé, thanh toán, xuất hóa đơn cho vé hành khách, vé trung chuyển, vé vận chuyển hàng hóa... Công ty cũng triển khai các chính sách phúc lợi, lương thưởng cho cán bộ, nhân viên, thuyền viên một cách hiệu quả. Giảm việc điều động nhân sự làm việc khác tỉnh, trả ngày nghỉ phép cho nhân sự theo nguyện vọng để nhân sự có thời gian nghỉ ngơi, học tập, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và giải quyết công việc cá nhân. Ngoài ra, việc Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư mới cho phép miễn giảm có điều kiện một số chức danh trong định biên an toàn tối thiểu của tàu giúp Công ty giảm được chi phí thuê nhân sự thời vụ cho những ngày cao điểm, từ đó điều chuyển chi phí trên cho các nhân sự quản lý chủ chốt, trả thù lao tương xứng với đóng góp từ đó giúp nhân viên có thêm nhiều động lực để cống hiến và gắn bó lâu dài, nâng cao năng lực cạnh tranh về nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Nhờ việc sử dụng các nguồn lực một cách tối ưu, sắp xếp, điều chỉnh tốc độ và tần suất khai thác một cách phù hợp nhất và một phần là giá nhiên liệu bình quân giảm đã giúp Công ty đạt được mức tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận năm 2023 lần lượt là 409,4 tỷ đồng và 69,7 tỷ đồng đạt 85,72% và 96,59% so với kế hoạch đề ra, số chuyến thực hiện trong năm là 10.256 chuyến với tổng lượt hành khách phục vụ trong năm là 1,7 triệu. Doanh thu giảm nhẹ 0,11% so với năm 2022 nhưng lợi nhuận tăng 62,20% so với năm ngoái.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN 1 - 5 NĂM

Nhu cầu đi lại và du lịch bằng tàu cao tốc ngày càng tăng, đặc biệt là du lịch biển đảo, xu hướng này giúp Công ty có cơ hội mở rộng thị trường, tăng doanh thu và lợi nhuận. Nhưng đòi hỏi Công ty buộc phải nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới công nghệ, tìm kiếm các giải pháp mới để nâng cao năng lực cạnh tranh, như phát triển các dịch vụ mới, nâng cao trải nghiệm khách hàng và xây dựng thương hiệu của Công ty.

Công ty sẽ nghiên cứu tình hình tăng trưởng du lịch của các điểm đến mà Công ty đang khai thác, và nhu cầu đi lại của hành khách để bố trí kế hoạch hoạt động phù hợp, đáp ứng đúng nhu cầu khách hàng, tránh lãng phí nguồn lực.

Trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tập trung đẩy mạnh các công việc sau:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, bao gồm: dịch vụ chăm sóc khách hàng, tiện ích trên tàu, nghiên cứu bố trí lịch trình phù hợp nhu cầu đi lại của từng đối tượng khách hàng, mùa vụ, nâng cao chất lượng phương tiện đáp ứng cả hai tiêu chí "nhanh chóng – an toàn";
- Đổi mới công nghệ, bắt kịp xu hướng thay đổi của thời đại nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng với chi phí tối ưu, đảm bảo tính nhanh chóng và thuận lợi nhất có thể để thu hút khách hàng;
- Cắt giảm các chi phí không cần thiết, nghiên cứu sử dụng các nguồn lực một cách tối ưu nhất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Xây dựng thương hiệu mạnh để tạo dựng uy tín và niềm tin với khách hàng.

Năm 2024, dự kiến Công ty sẽ phải cạnh tranh với nhiều đối thủ khác nhau về giá cả, dịch vụ và chất lượng. Các yếu tố như thời tiết, giá nhiên liệu, và chính sách của Chính phủ vẫn còn nhiều biến động và thay đổi; vì vậy, Công ty cần tập trung vốn đầu tư lớn cho việc cải tiến/đóng mới phương tiện, bổ sung thêm đội ngũ nhân viên/thuyền viên chuyên nghiệp và xây dựng hệ thống quản lý hiệu quả để cạnh tranh trong môi trường cạnh tranh cao. Do vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty trong một vài năm tới, đặc biệt là năm 2024 dự kiến vẫn sẽ còn rất nhiều khó khăn gây áp lực lên việc tăng trưởng cả về hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CƠ CẤU TÀI SẢN

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                           | Năm 2022       |               | Năm 2023       |               |
|------------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
|                                    | Giá trị        | Tỷ trọng      | Giá trị        | Tỷ trọng      |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>            | <b>407.839</b> | <b>47,60%</b> | <b>549.294</b> | <b>61,21%</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 10.821         | 1,26%         | 14.725         | 1,64%         |
| Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn    | 206.396        | 24,08%        | 199.103        | 22,19%        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn        | 154.435        | 18,02%        | 299.748        | 33,40%        |
| Hàng tồn kho                       | 29.361         | 3,43%         | 29.327         | 3,27%         |
| Tài sản ngắn hạn khác              | 6.826          | 0,80%         | 6.391          | 0,71%         |
| <b>Tài sản dài hạn</b>             | <b>449.254</b> | <b>52,42%</b> | <b>348.105</b> | <b>38,80%</b> |
| Các khoản phải thu dài hạn         | 945            | 0,11%         | 805            | 0,09%         |
| Tài sản cố định                    | 441.606        | 51,52%        | 338.790        | 37,75%        |
| Tài sản dở dang dài hạn            | 898            | 0,10%         | 1.442          | 0,16%         |
| Tài sản dài hạn khác               | 5.805          | 0,68%         | 7.068          | 0,79%         |
| <b>Tổng tài sản</b>                | <b>857.093</b> | <b>100%</b>   | <b>897.399</b> | <b>100%</b>   |

Trong năm vừa qua, mức tổng tài sản của Công ty không có quá nhiều chênh lệch so với thời điểm cùng kỳ năm 2022, đạt mức 897,4 tỷ đồng, đạt 105% ghi nhận tại thời điểm 31/12/2023. Về cơ cấu tài sản, Tài sản ngắn hạn tăng trong khi Tài sản dài hạn ghi nhận sự sụt giảm. Trong khi Tài sản ngắn hạn đạt 549,3 tỷ đồng, tăng 34,7% so với cùng kỳ năm 2022 thì Tài sản dài hạn ghi nhận 348,1 tỷ đồng, giảm 22,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Sự gia tăng đáng kể trong Tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ khoản phải ứng trước cho nhà cung cấp. Ngược lại, giảm của Tài sản dài hạn chủ yếu đến từ việc giảm tài sản phải thu dài hạn và giảm giá trị của tài sản cố định. Trong năm, Công ty đã tiến hành thanh lý 2 phà Superdong PI và PII cho Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD.

### CƠ CẤU NGUỒN VỐN

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu                          | Năm 2022       |               | Năm 2023       |               |
|-----------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
|                                   | Giá trị        | Tỷ trọng      | Giá trị        | Tỷ trọng      |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                | <b>13.111</b>  | <b>1,53%</b>  | <b>15.313</b>  | <b>1,71%</b>  |
| <b>Nợ dài hạn</b>                 | <b>0</b>       | <b>0,01%</b>  | <b>60</b>      | <b>0,01%</b>  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>             | <b>843.982</b> | <b>98,47%</b> | <b>882.027</b> | <b>98,29%</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu            | 633.317        | 73,89%        | 633.317        | 70,57%        |
| Thặng dư vốn cổ phần              | 11.470         | 1,34%         | 11.470         | 1,28%         |
| Quỹ đầu tư phát triển             | 6.825          | 0,80%         | 6.825          | 0,76%         |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu     | 2.000          | 0,23%         | 2.000          | 0,22%         |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 190.370        | 22,21%        | 228.415        | 25,45%        |
| <b>Tổng nguồn vốn</b>             | <b>857.093</b> | <b>100%</b>   | <b>897.399</b> | <b>100%</b>   |

Với chuyên môn hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng khách, mức nợ phải trả chiếm tỷ trọng rất thấp, chỉ chiếm tỷ trọng 1,71% trong cơ cấu nguồn vốn. Đây chủ yếu là các khoản nợ ngắn hạn và nguồn vốn đầu tư cho đội tàu của Công ty chủ yếu đến từ nguồn vốn chủ sở hữu. Nhờ vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty không phải đối mặt với áp lực lớn từ các khoản nợ. Điều này càng trở nên quan

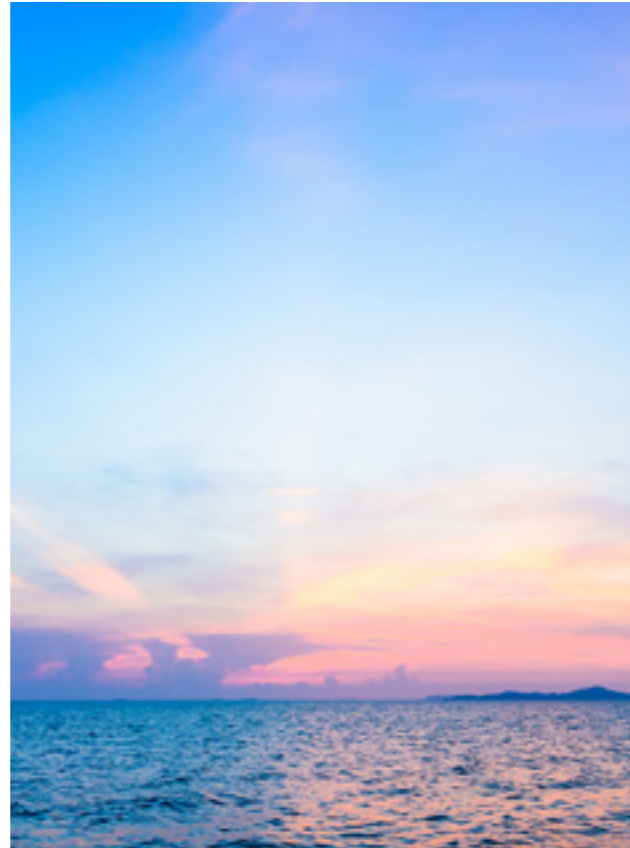
trọng trong bối cảnh lãi suất ngân hàng chưa có dấu hiệu giảm, qua đó hoạt động kinh doanh của Công ty không phải chịu áp lực tài chính từ các khoản nợ. Sự quản lý tài chính chặt chẽ này giúp Công ty giữ vững sự ổn định và linh hoạt, làm giảm đáng kể rủi ro tài chính, duy trì khả năng hoạt động ổn định trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

### NHÂN SỰ

Công ty tiếp tục triển khai quá trình xây dựng một chính sách tuyển dụng nhân sự và đào tạo nhằm đảm bảo có đủ và chất lượng nguồn nhân lực cho việc vận hành và mở rộng quy mô trong tương lai. Công ty cũng xây dựng chính sách lợi ích hấp dẫn cùng với cơ hội phát triển sự nghiệp trong tổ chức, sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và khuyến khích sự cam kết lâu dài của nhân viên. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các chức danh đang thiếu hụt, nơi Công ty đang đặt mục tiêu bổ sung đội ngũ nhân sự để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng khi triển khai nhiều tàu hơn vào hoạt động khai thác.

Chính sách này không chỉ tập trung vào việc tạo điều kiện cho thuyền viên nâng cao trình độ học vụ và kỹ năng chuyên môn, mà còn đảm bảo phản ánh chính xác yêu cầu và tiêu chí của Công ty. Hỗ trợ tài chính, đặc biệt là thông qua các chính sách học bổng, sẽ giúp giảm gánh nặng chi phí học phí đối với nhân viên, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhân viên trong việc theo đuổi sự nghiệp và đóng góp cho sự phát triển của Công ty.



### PHƯƠNG TIỆN

Tăng cường và phát triển đội ngũ kỹ thuật để đảm bảo sự hiệu quả và ổn định trong quản lý và vận hành các phương tiện. Công ty đặt mục tiêu chủ động trong việc xử lý các hư hỏng, chú trọng đến công tác bảo trì và bảo dưỡng. Mục đích chính là giữ cho phương tiện hoạt động ổn định, đảm bảo chất lượng đồng đều.

Để thực hiện mục tiêu này, Công ty đầu tư trong việc phát triển đội ngũ kỹ thuật, cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết để chủ động đối mặt với các thách thức kỹ thuật phức tạp. Đội ngũ này không chỉ

là những chuyên gia về kỹ thuật, mà còn là những nhân viên có khả năng đưa ra các giải pháp sáng tạo khi gặp vấn đề.

Ngoài ra, Công ty còn thiết lập một lịch trình bảo dưỡng và bảo trì định kỳ, tuân thủ đúng theo quy trình và tiêu chuẩn chất lượng. Qua đó đảm bảo rằng mọi chi tiết kỹ thuật của các phương tiện đều được kiểm tra, bảo trì và nâng cấp theo đúng yêu cầu, giúp tối ưu hóa hiệu suất và tuổi thọ của chúng.

### NGHIÊN CỨU

Tối ưu hóa hoạt động vận hành của các tàu là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược quản lý của Công ty. Công ty không chỉ điều chỉnh lịch trình khai thác theo nhu cầu cụ thể và sở thích đa dạng của khách hàng, mà còn tập trung vào việc giảm thiểu chi phí vận hành một cách hiệu quả nhất. Công ty tiến hành nghiên cứu và phân tích cẩn thận về thị trường và yêu cầu của khách hàng. Bằng cách này, Công ty có thể linh hoạt điều chỉnh lịch trình khai thác, đảm bảo duy trì và mở rộng tệp khách hàng, tạo ra trải nghiệm du lịch tối ưu và độc đáo.

### CHI PHÍ ĐẦU VÀO

Tiếp tục giữ vững mối quan hệ vững chắc và tăng cường liên kết với các nhà cung cấp quen thuộc đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược quản lý nguồn cung. Công ty chủ động xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác hiện tại bên cạnh đó đặt mục tiêu tìm kiếm và thiết lập mối quan hệ với những nhà cung cấp mới, nhằm mang lại sự đa dạng và ổn định cho nguồn cung.



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không giải trình gì thêm.

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty kiên trì quan tâm đến việc đánh giá định kỳ về ảnh hưởng môi trường của hoạt động vận chuyển đường thủy. Việc này giúp Công ty quan tâm đến đầu tư vào công nghệ hiện đại để kiểm soát khí thải, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường và thực hiện chính sách tái chế và quản lý chất thải.

Đồng thời, Công ty cũng quan tâm đến công tác nghiên cứu và áp dụng công nghệ xanh để tối ưu hóa hiệu suất năng lượng và giảm lượng chất thải. Chương trình bảo dưỡng định kỳ cũng được triển khai để đảm bảo hoạt động hiệu quả của các phương tiện và thiết bị, hướng tới một hệ thống vận chuyển đường thủy bền vững.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để đáp ứng sự phát triển không ngừng của Công ty trong thời gian qua, nguồn nhân lực cũng được tăng cường cả về số lượng lẫn chất lượng để đáp ứng những yêu cầu về nhân sự. Công ty rất chú trọng đào tạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên, thuyền viên nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý, tư vấn, giám sát, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác... nhằm phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc. Do đó, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên, thuyền viên được đào tạo chính quy, bài bản về các lĩnh vực chuyên môn, có kiến thức toàn diện để phục vụ tốt hơn trong công việc mình phụ trách, có khả năng thích nghi nhạy bén với xu thế mới và mang tính hội nhập cao.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty không chỉ xem xét mối quan hệ với cộng đồng địa phương như một trách nhiệm, mà còn coi đó là một cơ hội và cam kết để đóng góp tích cực vào sự phát triển và cải thiện chất lượng cuộc sống trong khu vực mà Công ty hoạt động. Để thực hiện cam kết này, Công ty tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, từ những chiến dịch bảo vệ môi trường đến việc hỗ trợ giáo dục và y tế. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách và chiến lược phát triển bền vững, nhằm giữ cho mọi hoạt động đều hướng tới một tương lai xanh và thịnh vượng.







# 4.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

---

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2024

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Dựa trên những kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng chiến lược mà Hội đồng quản trị đã đề ra. Tổng kết năm 2023, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 69,7 tỷ đồng, tăng 62,20% so với năm 2022 và đạt 96,60% so với kế hoạch đã đề ra. Trong đó, hoạt động kinh doanh vào Quý III/2023 và Quý IV/2023 của Công ty bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố thời tiết như mưa bão, gió lớn nên lợi nhuận Quý III và Quý IV lần lượt giảm 43% và 17% so với cùng kỳ năm ngoái. Để đối mặt với những thách thức này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét kỹ lưỡng các chiến lược và biện pháp điều chỉnh phù hợp với diễn biến thị trường, tối ưu chi phí, hạn chế được các rủi ro về thời tiết gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Qua năm 2023, sự linh hoạt trong việc thích ứng và việc thiết lập các biện pháp ứng phó với các biến đổi và sự vận dụng lợi thế của nguồn lực tài chính vững mạnh sẽ đóng vai trò quan trọng để duy trì lợi nhuận và định hình bền vững cho tương lai.

### HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Về quản trị nội bộ, Công ty tập trung vào việc củng cố cấu trúc tổ chức, tiến hành việc hoàn thiện và đưa ra áp dụng hệ thống các quy chế quản trị nội bộ, bao gồm sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Bộ quy trình về hoạt động kinh doanh, Quy chế tài chính, cũng như loạt các quy trình hướng dẫn hoạt động của Công ty như quy trình kế toán, quy trình nhân sự, và quy trình hành chính. Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính. Ngoài ra, Công ty cũng tuân thủ và chấp hành đúng các nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách Nhà nước đúng quy định. Công ty luôn đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động thông qua việc thực hiện một cách nghiêm túc quyền lợi của cổ đông bao gồm việc cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc cho cổ đông và cũng dành sự quan tâm đặc biệt đối với người lao động đang làm việc tại Công ty.

### CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty không chỉ tập trung thực hiện tốt các hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh, mà còn chú trọng đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng. Đây là một sứ mệnh quan trọng, không thể tách rời khỏi hoạt động kinh doanh, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Cụ thể Công ty đã đưa vào sử dụng các máy móc thiết bị tối ưu, giúp tiết kiệm nhiên liệu, hạn chế các khí thải phát ra môi trường, sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách tối ưu. Công ty tiếp tục đồng hành cùng các tổ chức, các chương trình thiện nguyện, tặng những phần quà hỗ trợ những người dân có hoàn cảnh khó khăn vào những dịp lễ Tết, giữ vững truyền thống lá lành đùm lá rách của người dân Việt Nam.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo các quy định được đề ra trong Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Tổng Giám đốc đã phát huy tốt vai trò và trách nhiệm như người đứng đầu, chỉ đạo và định hướng các vấn đề quan trọng, cốt lõi, điều phối hoạt động của Ban Điều hành một cách hiệu quả. Ủy ban kiểm toán đánh giá cao kết quả điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế và biến động mạnh của giá xăng dầu nhưng trong 9 tháng đầu năm doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng trưởng lần lượt 4,4% và 54,2% so với cùng kỳ. Ban Tổng Giám đốc đã tự chủ triển khai và hoàn thành nhiệm vụ trong các lĩnh vực được giao. Ban Điều hành đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt và kịp thời trong kinh doanh và hỗ trợ kinh doanh. Những nỗ lực đó đã tạo điều kiện thuận lợi để toàn bộ nhân viên cống hiến hết mình trong công việc của mình.

## CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Nửa cuối năm 2023 và đặc biệt là Quý IV năm 2023, Công ty đã phải đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức tới do tình hình kinh tế khó khăn, cạnh tranh khốc liệt và biến đổi khí hậu với diễn biến ngày càng cực đoan hơn đã gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh. Bước sang năm 2024, những khó khăn của năm qua vẫn còn hiện diện và cần tiếp tục có các giải pháp phù hợp để giải quyết. Đối với kinh tế nói chung và các lĩnh vực kinh doanh nói riêng đều có các thời điểm “trũng” vừa là các nguy cơ của sự thanh lọc nhưng đồng thời cũng là cơ hội để xoay chuyển và vươn lên vị thế mới. Nhận thức được vấn đề này, bên cạnh việc ổn định, thích nghi với diễn biến của thị trường, Công ty cũng đồng thời dần dần triển khai các bước chuẩn bị cho sự chuyển mình

nhau chóng khi kinh tế phục hồi, thị trường bước vào giai đoạn tăng trưởng mới. Công ty sẽ tập trung vào 03 mục tiêu chính nhằm thực thi định hướng này là (1) Tiếp tục kiện toàn công tác quản lý, điều hành nhằm xây dựng được cơ cấu tổ chức chặt chẽ, thông suốt, hệ thống quy trình vận hành đầy đủ, hoàn thiện và xây dựng đội ngũ nhân sự có đủ chuyên môn, năng lực, gắn bó lâu dài. (2) Tối ưu hóa các chi phí, vận dụng tối đa lợi thế từ nguồn tài chính khỏe mạnh của Công ty. (3) Đầu tư và cải tạo các phương tiện vận tải phù hợp, kết hợp với các hạ tầng phụ trợ cần thiết nhằm sẵn sàng với các yêu cầu, đòi hỏi mới của tình hình cạnh tranh và nâng cao thị hiếu, nhu cầu cho khách hàng.

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu           | Thực hiện 2023             | Kế hoạch 2024 | % KH 2024/TH 2023 |
|--------------------|----------------------------|---------------|-------------------|
| Vốn điều lệ        | 633.317                    | 664.983       | 105,00%           |
| Doanh thu thuần    | 409.409                    | 431.376       | 105,37%           |
| Lợi nhuận sau thuế | 69.710                     | 73.115        | 104,88%           |
| Cổ tức (%) (*)     | 5% tiền mặt và 5% cổ phiếu | 5%            | -                 |

(\*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2023 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2024.

### 1 VỀ THỊ TRƯỜNG

Theo dõi, đánh giá và phân tích tình hình kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các yếu tố ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty như giá nhiên liệu, chính sách của Nhà nước, xu hướng của khách hàng,... nhằm dự đoán và có biện pháp phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra như thiên tai, dịch bệnh, biến động giá nhiên liệu,...

Cập nhật các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định về an toàn hàng hải, công tác đăng kiểm, phòng cháy chữa cháy,...

Phân tích năng lực, điểm mạnh, điểm yếu của các đối thủ cạnh tranh, từ đó tận dụng tốt các năng lực của Công ty để tấn công vào điểm yếu của đối thủ nhằm nâng cao tỷ trọng thị phần chiếm giữ.

### 2 VỀ SẢN PHẨM/DỊCH VỤ

Nghiên cứu triển khai thêm sản phẩm dịch vụ tiện ích, tuyển mới nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn cải, nâng cấp và đóng mới phương tiện đưa vào phục vụ hành khách nhằm tạo sự khác biệt lớn trên thị trường về tốc độ, sự ổn định và an toàn trong khai thác.

Nâng cao chất lượng phục vụ, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh so với các công ty cùng ngành.

### 3 VỀ GIÁ CẢ

Áp dụng mức giá cạnh tranh phù hợp với thị trường và nhu cầu khách hàng nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

Triển khai các chương trình khuyến mãi, giảm giá, tri ân để giữ chân khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới.

### 4 VỀ HOẠT ĐỘNG MARKETING

Quảng bá thương hiệu và dịch vụ của Công ty trên các kênh truyền thông hiệu quả.

Tăng cường tiếp thị trực tuyến thông qua trang website, các trang mạng xã hội.

Tham gia các hội chợ, triển lãm du lịch để quảng bá dịch vụ của Công ty.

Tổ chức các chương trình khuyến mãi, ưu đãi cho khách hàng.

Hợp tác với các công ty du lịch để đưa sản phẩm của Công ty vào các chương trình du lịch.

Xuất bản các ấn phẩm giới thiệu về dịch vụ của Công ty.

### 5 VỀ HỆ THỐNG KÊNH PHÂN PHỐI

Đa dạng kênh phân phối, mở rộng kênh phân phối ra khỏi phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Rà soát và cơ cấu lại hệ thống đại lý, đẩy mạnh hợp tác với các đại lý có tiềm năng; cắt giảm với những đại lý có doanh số kém, thiếu sự hợp tác với Công ty trong việc thúc đẩy việc tiêu thụ vé. Phát triển kênh bán vé trực tuyến để thuận tiện cho khách hàng.

Hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống app trên thiết bị di động.

Mở rộng mạng lưới bán vé, hợp tác với các đại lý du lịch.

Phát triển kênh bán vé trực tuyến để thuận tiện cho khách hàng.

### 6 VỀ TÀI CHÍNH

Dự toán ngân sách cho từng khoản chi phí hoạt động như: nhiên liệu, sửa chữa/bảo dưỡng, nhân sự, marketing, hoạt động đầu tư... định kỳ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tài chính, điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết dựa trên tình hình thực tế.

Theo dõi và giám sát chặt chẽ các khoản chi phí, kịp thời phát hiện và xử lý các khoản phát sinh ngoài dự toán, nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn kinh doanh, tối ưu hóa lợi nhuận.

Thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về thuế, kế toán; duy trì và xây dựng đội ngũ nhân viên kế toán chuyên nghiệp, có năng lực.

Phân tích và đánh giá các rủi ro tài chính có thể xảy ra như biến động giá nhiên liệu, tỷ giá hối đoái, ... để có biện pháp phòng ngừa và có giải pháp xử lý khi các rủi ro xảy ra đột xuất.



## 7

## VỀ NHÂN SỰ

Hoạch định số lượng nhân viên cần thiết cho từng bộ phận, trình độ chuyên môn và kỹ năng cần thiết cho từng vị trí công việc.

Tuyển dụng và đào tạo nhân sự có đủ năng lực và trình độ chuyên môn.

Tổ chức các khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho nhân viên, khuyến khích nhân viên tham gia các khóa học nghiệp vụ và các hoạt động phát triển bản thân.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo, xây dựng cơ chế lương thưởng phù hợp, tổ chức đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên, khen thưởng kịp thời những nhân viên có thành tích tốt.

Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa Công ty và nhân viên.

Xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa, đặc biệt là các vị trí lãnh đạo chủ chốt nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

## 8

## VỀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Nâng cao nhận thức về thương hiệu của Công ty trong cộng đồng, tăng cường sự gắn kết giữa Công ty và cộng đồng thông qua việc:

- Tài trợ cho các hoạt động giáo dục, văn hóa, thể thao tại địa phương;
- Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như trồng cây xanh, dọn dẹp rác thải ...;
- Khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động tình nguyện trong cộng đồng.





# 5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
 Ủy ban kiểm toán  
 Các giao dịch, thù lao  
 và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và UBKT

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2023

| STT                              | Thành viên               | Chức vụ                                      | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|----------------------------------|--------------------------|--|--------------------|--------------|
| <b>HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2022</b> |                          |  |                    |              |
| 1                                | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Chủ tịch HĐQT                                | 4.781.166          | 7,55%        |
| 2                                | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó Chủ tịch HĐQT                            | 14.844             | 0,02%        |
| 3                                | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên HĐQT kiêm TGD                     | 10.100.757         | 15,95%       |
| 4                                | Ông Phan Hồng Phúc       | Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT   | 0                  | 0,00%        |
| 5                                | Bà La Xuân Đào           | Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên UBKT | 0                  | 0,00%        |
| 6                                | Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ     | Thành viên HĐQT không điều hành              | 640.008            | 1,01%        |
| 7                                | Ông Tăng Siêu Tâm        | Thành viên HĐQT không điều hành              | 0                  | 0,00%        |
| <b>HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027</b> |                          |  |                    |              |
| 1                                | Ông Phan Hồng Phúc       | Chủ tịch HĐQT                                | 0                  | 0,00%        |
| 2                                | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó Chủ tịch HĐQT                            | 14.844             | 0,02%        |
| 3                                | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên HĐQT kiêm TGD                     | 10.100.757         | 15,95%       |
| 4                                | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD                 | 33.101             | 0,05%        |
| 5                                | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Thành viên HĐQT                              | 4.781.166          | 7,55%        |
| 6                                | Ông Bùi Tiến Đức         | Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên UBKT | 0                  | 0,00%        |
| 7                                | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên HĐQT độc lập kiêm thành viên UBKT | 0                  | 0,00%        |

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

| STT                              | Thành viên HĐQT          | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------|
| <b>HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2022</b> |                          |                          |                   |
| 1                                | Bà Hà Nguyệt Nhi         | 03/03                    | 100%              |
| 2                                | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | 03/03                    | 100%              |
| 3                                | Ông Puan Kwong Siing     | 03/03                    | 100%              |
| 4                                | Ông Phan Hồng Phúc       | 03/03                    | 100%              |
| 5                                | Bà La Xuân Đào           | 03/03                    | 100%              |
| 6                                | Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ     | 03/03                    | 100%              |
| 7                                | Ông Tăng Siêu Tâm        | 03/03                    | 100%              |
| <b>HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027</b> |                          |                          |                   |
| 1                                | Ông Phan Hồng Phúc       | 05/05                    | 100%              |
| 2                                | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | 05/05                    | 100%              |
| 3                                | Ông Puan Kwong Siing     | 05/05                    | 100%              |
| 4                                | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | 05/05                    | 100%              |
| 5                                | Bà Hà Nguyệt Nhi         | 05/05                    | 100%              |
| 6                                | Ông Bùi Tiến Đức         | 05/05                    | 100%              |
| 7                                | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | 05/05                    | 100%              |

## THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả các cuộc họp:

Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 phiên họp, trong đó có 08 phiên họp trực tiếp và 05 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|---|-----------------|
| 1   | BBH             | 11/01/2023 | Thông qua đề xuất của Ban Tổng Giám đốc về việc thanh lý phà Superdong PI,PII   | 0%              |
| 2   | BBKP            | 30/01/2023 | Thông qua nội dung cơ bản của Hợp đồng đóng mới 02 tàu cấp SB tuyến Tp. Hồ Chí Minh – Vũng Tàu  | 0%              |
| 3   | 01/2023/NQ-HĐQT | 21/02/2023 | Thông qua việc thanh lý phà Superdong PI, PII; Giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai việc đàm phán, ký kết hợp đồng thanh lý này với đối tác sao cho vừa đảm bảo tối đa quyền lợi của Công ty vừa tuân thủ đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty; đồng thời có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc khi có sự việc phát sinh cũng như khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị.                                  | 100%            |
| 4   | 02/2023/NQ-HĐQT | 7/3/2023   | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn thời gian, địa điểm tổ chức và chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;  | 100%            |
| 5   | 03/2023/NQ-HĐQT | 5/4/2023   | Thông qua Báo cáo thường niên năm 2022; Thông qua các nội dung chuẩn bị cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.   | 100%            |
| 6   | 04/2023/NQ-HĐQT | 27/04/2023 | Thông qua việc đề cử 02 ứng cử viên cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027 để bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng các cá nhân có liên quan thực hiện các thủ tục cần thiết để tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2027 đúng quy định của Điều lệ và các quy định của Pháp luật. | 100%            |

| STT | Nghị quyết       | Ngày       | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------|------------|--|-----------------|
| 7   | 05/2023/NQ-HĐQT  | 27/04/2023 | Bầu Ông Phan Hồng Phúc – Thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang nhiệm kỳ 2023 - 2027;<br>Bầu Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung – Thành viên Hội đồng quản trị làm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang nhiệm kỳ 2023 - 2027;<br>Bổ nhiệm Ông Puan Kwong Siing là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang nhiệm kỳ 2023 - 2027.  | 71,4%           |
| 8   | 06A/2023/NQ-HĐQT | 12/5/2023  | Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022;<br>Thông qua việc tái bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Kim Hồng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh, nhân sự, đối ngoại;<br>Thông qua việc tái bổ nhiệm Bà Bùi Thị Hồng Đào giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách lĩnh vực kế toán của Công ty;<br>Thông qua việc bổ nhiệm Ông Bùi Tiến Đức giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán nhiệm kỳ 2023 - 2027;<br>Thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Bích Nghĩa giữ chức vụ Thành viên Ủy ban kiểm toán nhiệm kỳ 2023 - 2027;<br>Thông qua việc tái bổ nhiệm Bà Lương Nguyễn Mỹ Chi giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2023 – 2027. | 100%            |
| 9   | 06B/2023/NQ-HĐQT | 12/5/2023  | Thông qua thù lao của HĐQT, UBKT, Người quản trị kiêm Thư ký công ty và lương của Người điều hành Công ty năm 2023.  | 100%            |
| 10  | 07/2023/NQ-HĐQT  | 14/06/2023 | Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.   | 100%            |
| 11  | 08/2023/NQ-HĐQT  | 8/7/2023   | Thông qua Đề án của Ban Tổng Giám đốc về việc đóng phà cao tốc 03 thân.  | 100%            |
| 12  | 09/2023/NQ-HĐQT  | 16/8/2023  | Thông qua việc chọn Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD là đối tác thực hiện việc đóng phà cao tốc 03 thân mới cho tuyến Phan Thiết - Phú Quý và tuyến Vũng Tàu - Côn Đảo;<br>Thông qua nội dung cơ bản của hợp đồng đóng phà cao tốc 03 thân mới cho tuyến Phan Thiết - Phú Quý và tuyến Vũng Tàu - Côn Đảo.   | 100%            |

## THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|--|-----------------|
| 13  | BBH             | 19/12/2023 | Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh Quý 4 năm 2023.   | 100%            |
| 14  | 10/2023/NQ-HĐQT | 28/12/2023 | Thông qua việc gia hạn thời gian hoàn thành tàu tại Mục 1.5 Điều 1 Nghị quyết HĐQT số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 09/09/2022;<br>Thông qua việc gia hạn thời gian thanh toán đợt 3 của Hợp đồng thanh lý phà Superdong PI và PII cho Công ty Kaibouk Shipyards (M) SDN.BHD theo Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT thông qua ngày 21/02/2023. | 100%            |

### HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty có 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Ông Bùi Tiến Đức và Bà Nguyễn Bích Nghĩa. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có vai trò đánh giá và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc một cách khách quan, đặc biệt là trong việc đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa các bên liên quan. Thành viên HĐQT độc lập đã hoàn thành nhiệm vụ được giao và tiếp tục đóng góp quan trọng trong việc giám sát và quản lý hoạt động của Công ty, duy trì theo hướng phát triển đề ra. Ông Bùi Tiến Đức và Bà Nguyễn Bích Nghĩa đã mang lại những đóng góp quan trọng thông qua việc đưa ra ý kiến xác thực và có chất lượng cao về chuyên môn, thể hiện tinh thần độc lập, giúp nâng cao chất lượng quyết định và hỗ trợ quá trình quản trị Công ty.

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay, toàn bộ các thành viên trong Hội đồng quản trị của Công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp, không chỉ ở trong nước mà còn trải qua thời kỳ làm việc tại nước ngoài. Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do các Sở, Ngành, VSDC và các đơn vị chuyên môn tổ chức.

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA UBKT

Tính tại ngày 31/12/2023

| STT                              | Thành viên           | Chức vụ    | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|----------------------------------|----------------------|------------|--------------------|--------------|
| <b>UBKT nhiệm kỳ 2018 - 2022</b> |                      |            |                    |              |
| 1                                | Ông Phan Hồng Phúc   | Chủ tịch   | 0                  | 0,00%        |
| 2                                | Bà La Xuân Đào       | Thành viên | 0                  | 0,00%        |
| <b>UBKT nhiệm kỳ 2023 - 2027</b> |                      |            |                    |              |
| 1                                | Ông Bùi Tiến Đức     | Chủ tịch   | 0                  | 0,00%        |
| 2                                | Bà Nguyễn Bích Nghĩa | Thành viên | 0                  | 0,00%        |

### DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN UBKT TRONG NĂM

| STT | Thành viên           | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là TV UBKT | Ngày không còn là TV UBKT |
|-----|----------------------|------------|-------------------------|---------------------------|
| 1   | Ông Phan Hồng Phúc   | Chủ tịch   |                         | 27/04/2023                |
| 2   | Bà La Xuân Đào       | Thành viên |                         | 27/04/2023                |
| 3   | Ông Bùi Tiến Đức     | Chủ tịch   | 12/05/2023              |                           |
| 4   | Bà Nguyễn Bích Nghĩa | Thành viên | 12/05/2023              |                           |

### SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP CỦA UBKT

| STT | Thành viên           | Chức vụ    | Số buổi họp | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|------------|-------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Bùi Tiến Đức     | Chủ tịch   | 02/02       | 100%              | -                       |
| 2   | Bà Nguyễn Bích Nghĩa | Thành viên | 02/02       | 100%              | -                       |



## ỦY BAN KIỂM TOÁN

### NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CÁC CUỘC HỌP

| STT | Số Biên bản      | Ngày       | Nội dung   |
|-----|------------------|------------|--|
| 01  | 01/2023/BBH-UBKT | 30/06/2023 | Tổng hợp đánh giá và báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong 06 tháng đầu năm 2023. |
| 02  | 02/2023/BBH-UBKT | 29/12/2023 | Tổng hợp đánh giá và báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2023.              |

### HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

#### Kết quả thẩm tra tình hình tài chính Công ty năm 2023

Công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đã phản ánh được tình hình tài chính của Công ty ổn định, lành mạnh, trung thực.

Công ty thực hiện lập và công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, các Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2023 phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và theo các quy định của pháp luật hiện hành. Tuân thủ đầy đủ các công tác liên quan đến kế toán, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng và hợp lý.

Qua theo dõi và đánh giá sự độc lập khách quan của công ty kiểm toán, Ủy ban kiểm toán thống nhất số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên 2023 đã được soát xét của Ban Tổng Giám đốc.

#### Tình hình tuân thủ pháp luật của Công ty và công tác quản lý của BTGD năm 2023

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc tập trung tổ chức thực hiện nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Ủy ban kiểm toán đánh giá cao kết quả điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế và biến động mạnh của giá xăng dầu nhưng trong 9 tháng đầu năm doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng trưởng lần lượt 4,4% và 54,2% so với cùng kỳ.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD & UBKT

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: đồng

| STT                              | Họ và tên                | Chức danh               | Tổng thù lao       | Tổng lương           | Thưởng Tết         | Tổng thu nhập        |
|----------------------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2022</b> |                          |                         |                    |                      |                    |                      |
| 1                                | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Chủ tịch HĐQT           | 73.920.000         | 94.400.000           | -                  | 168.320.000          |
| 2                                | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó Chủ tịch HĐQT       | 52.800.000         | 248.000.000          | -                  | 300.800.000          |
| 3                                | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên HĐQT         | 31.680.000         | 400.000.000          | -                  | 431.680.000          |
| 4                                | Ông Phan Hồng Phúc       | Thành viên HĐQT độc lập | 31.680.000         | -                    | -                  | 31.680.000           |
| 5                                | Bà La Xuân Đào           | Thành viên HĐQT         | 31.680.000         | -                    | -                  | 31.680.000           |
| 6                                | Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ     | Thành viên HĐQT         | 31.680.000         | -                    | -                  | 31.680.000           |
| 7                                | Ông Tăng Siêu Tâm        | Thành viên HĐQT         | 31.680.000         | -                    | -                  | 31.680.000           |
| <b>Tổng</b>                      |                          |                         | <b>285.120.000</b> | <b>742.400.000</b>   | <b>-</b>           | <b>1.027.520.000</b> |
| <b>HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2027</b> |                          |                         |                    |                      |                    |                      |
| 1                                | Ông Phan Hồng Phúc       | Chủ tịch HĐQT           | 320.000.000        | -                    | -                  | 320.000.000          |
| 2                                | Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó Chủ tịch HĐQT       | 160.000.000        | 496.000.000          | 86.800.000         | 742.800.000          |
| 3                                | Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên HĐQT         | 80.000.000         | 1.600.000.000        | 140.000.000        | 1.820.000.000        |
| 4                                | Bà Hà Nguyệt Nhi         | Thành viên HĐQT         | 80.000.000         | 188.800.000          | 33.040.000         | 301.840.000          |
| 5                                | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Thành viên HĐQT         | 80.000.000         | 1.458.720.000        | 116.368.000        | 1.655.088.000        |
| 6                                | Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên HĐQT         | 80.000.000         | -                    | -                  | 80.000.000           |
| 7                                | Ông Bùi Tiến Đức         | Thành viên HĐQT         | 80.000.000         | -                    | -                  | 80.000.000           |
| <b>Tổng</b>                      |                          |                         | <b>880.000.000</b> | <b>3.743.520.000</b> | <b>376.208.000</b> | <b>4.999.728.000</b> |

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD & UBKT

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: đồng

| STT                              | Họ và tên              | Chức danh      | Tổng thù lao         | Tổng lương           | Thưởng Tết         | Tổng thu nhập        |
|----------------------------------|------------------------|----------------|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>UBKT nhiệm kỳ 2018 - 2022</b> |                        |                |                      |                      |                    |                      |
| 1                                | Ông Phan Hồng Phúc     | Chủ tịch       | 52.800.000           | -                    | -                  | 52.800.000           |
| 2                                | Bà La Xuân Đào         | Thành viên     | -                    | -                    | -                  | -                    |
| <b>Tổng</b>                      |                        |                | <b>52.800.000</b>    | <b>-</b>             | <b>-</b>           | <b>52.800.000</b>    |
| <b>UBKT nhiệm kỳ 2023 - 2027</b> |                        |                |                      |                      |                    |                      |
| 1                                | Ông Bùi Tiến Đức       | Chủ tịch       | 120.000.000          | -                    | -                  | 120.000.000          |
| 2                                | Bà Nguyễn Bích Nghĩa   | Thành viên     | 80.000.000           | -                    | -                  | 80.000.000           |
| <b>Tổng</b>                      |                        |                | <b>200.000.000</b>   | <b>-</b>             | <b>-</b>           | <b>200.000.000</b>   |
| <b>Kế toán trưởng</b>            |                        |                |                      |                      |                    |                      |
| 1                                | Bà Bùi Thị Hồng Đào    | Kế toán trưởng | -                    | 837.000.000          | 133.300.000        | 970.300.000          |
| <b>Tổng</b>                      |                        |                | <b>-</b>             | <b>837.000.000</b>   | <b>133.300.000</b> | <b>970.300.000</b>   |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>         |                        |                |                      |                      |                    |                      |
| 1                                | Ông Puan Kwong Siing   | Tổng GD        | NT                   | NT                   | NT                 | NT                   |
| 2                                | Bà Nguyễn Thị Kim Hồng | Phó Tổng GD    | NT                   | NT                   | NT                 | NT                   |
| <b>Tổng cộng</b>                 |                        |                | <b>1.417.920.000</b> | <b>5.322.920.000</b> | <b>509.508.000</b> | <b>7.250.348.000</b> |

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| STT  | Người thực hiện giao dịch               | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2023) |         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2023) |        | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|--|---|--------------------------|--|---------|---|--------|--|
|  |   |                          | Số cổ phiếu                            | Tỷ lệ   | Số cổ phiếu                             | Tỷ lệ  |  |
| <b>Thành viên HĐQT và người có liên quan</b> |   |                          |  |         |   |        |  |
| 1  | Bà Hà Nguyệt Nhi (Thành viên HĐQT)      |                          | 4.780.166                              | 7,55%   | 4.781.166                               | 7,55%  | Mua  |
| 2  | Ông Puan Kwong Siing (TV HĐQT kiêm TGD) |                          | 10.470.757                             | 16,533% | 10.100.757                              | 15,95% | Bán  |
| 2.1  | Ông Puan Kiong Sii                      | Anh trai                 | 1.157.002                              | 1,83%   | 0                                       | 0%     | Bán  |
| 2.2  | Bà Kong Mee Ling                        | Chị dâu                  | 300.606                                | 0,47%   | 1.586.308                               | 2,5%   | Mua, bán   |
| 2.3  | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD    | Tổ chức có liên quan     | 2.265.812                              | 3,58%   | 3.094.812                               | 4,89%  | Mua  |

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật về công tác quản trị và điều hành công ty. Trong lĩnh vực đào tạo và phát triển nhân sự, tham gia các buổi tập huấn, thảo luận và cập nhật kiến thức về quản trị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức để nâng cao kỹ năng và kiến thức của nhân sự, đồng thời phát triển chương trình đào tạo liên tục để theo kịp với xu hướng mới.

Công ty cũng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật để đảm bảo tính minh bạch trong việc cung cấp thông tin cho cổ đông. Điều này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của cổ đông mà còn tăng cường sự tin tưởng đối với Công ty. Công ty cam kết công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn và đảm bảo tính chính xác, khách quan của mọi thông tin. Việc này không chỉ làm đảm bảo quyền lợi của cổ đông mà còn giúp Công ty tránh được các rủi ro pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh.

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD & UBKT

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

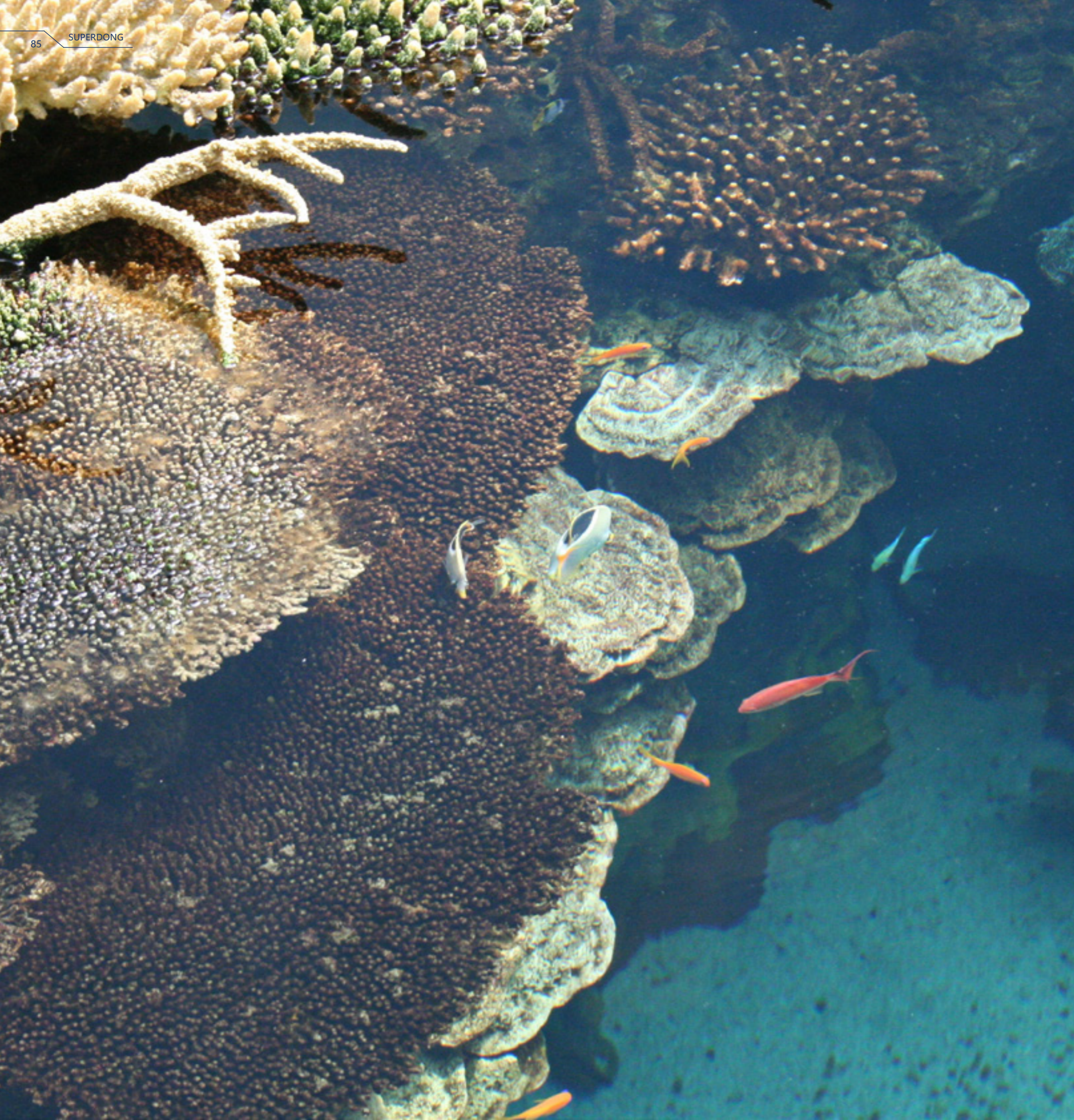
Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                   | Mối quan hệ liên quan với Công ty                     | Số Giấy NSH. Ngày cấp. Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT thông qua                               | Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch (*) | Ghi chú   |
|-----|---------------------------------------|---|--------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|--|--|---|
| 1   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                |                                       | 17/08/2023                      | NQ số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 16/08/2023  | Số cổ phiếu: 3.094.812<br>Tỷ lệ: 4,89%                 | Ký hợp đồng đóng phà cao tốc 3 thân.                          |
| 2   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                |                                       | 22/02/2023                      | NQ số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 21/02/2023  | Số cổ phiếu: 3.094.812<br>Tỷ lệ: 4,89%                 | Ký hợp đồng thanh lý phà Superdong PI, PII.                   |
| 3   | Bà Hà Nguyệt Nhi                      | Thành viên HĐQT                                       |                                |                                       | 13/05/2022                      | NQ số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 24/03/2022  | Số cổ phiếu: 4.781.166<br>Tỷ lệ: 7,55%                 | Ký hợp đồng thuê văn phòng Hà Tiên                            |
| 4   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                |                                       | 10/9/2022                       | NQ số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 09/09/2022  | Số cổ phiếu: 3.094.812<br>Tỷ lệ: 4,89%                 | Ký hợp đồng hoá cải các tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII. |
| 5   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                |                                       | 22/12/2019                      | NQ số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 28/11/2019 và NQ số 11/2019/NQ-HĐQT ngày 17/12/2019 | Số cổ phiếu: 3.094.812<br>Tỷ lệ: 4,89%                 | Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc.               |
| 6   | Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN. BHD | Người liên quan của TV HĐQT kiêm TGD Puan Kwong Siing |                                |                                       | 16/02/2018                      | NQ số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 15/01/2018 và NQ số 02/2018/NQ-HĐQT ngày 06/02/2018 | Số cổ phiếu: 3.094.812<br>Tỷ lệ: 4,89%                 | Hợp đồng đóng phà cao tốc tuyến Rạch Giá – Phú Quốc.          |

(\*) Tính tại ngày 31/12/2023

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát Không có





# 6. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

---

Tác động lên môi trường

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tiêu thụ năng lượng

Tiêu thụ nước

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Là một công ty vận tải hàng hóa, hành khách đường thủy, vì thế quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty đã ít nhiều tác động đến môi trường. Các phương tiện vận tải hành khách sử dụng nhiên liệu hóa thạch, chủ yếu là dầu DO, tạo ra lượng lớn khí CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O, HFCs,... và các loại khí khác. Các loại khí này là nguyên nhân chính dẫn đến hiện tượng nóng lên toàn cầu. Vì vậy, Công ty luôn có ý thức tìm ra các giải pháp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm tổng khí thải nhà kính và bảo vệ môi trường.

Để giảm tác động này Công ty thực hiện một loạt các hoạt động như ưu tiên sử dụng nhiên liệu sạch giúp giảm thải được lượng lớn khí CO<sub>2</sub> ra môi trường, có lợi thế hơn so với nhiên liệu hàng hải truyền thống. Ngoài ra, tối ưu hóa hiệu suất nhiên liệu qua việc áp dụng công nghệ tiên tiến vào quy trình hoạt động. Công ty cũng định hướng thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tái tạo, giúp giảm khí thải gián tiếp từ quá trình sản xuất nhiên liệu. Hơn nữa, Công ty còn định hướng nghiên cứu thúc đẩy sử dụng công nghệ xanh như quản lý lộ trình và tuyến đường để tối ưu hóa sử dụng nhiên liệu, giảm thời gian di chuyển. Những biện pháp này không những giúp Công ty giảm tác động đáng kể đến môi trường mà còn thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững trong hoạt động kinh doanh.

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty đặt trọng tâm hướng tới mục tiêu bền vững trong hoạt động cung ứng dịch vụ bằng cách đưa ra nhiều biện pháp quan trọng để quản lý nguồn nguyên vật liệu. Đặc biệt, Công ty ưu tiên việc sử dụng nguyên vật liệu tái chế, nguồn năng lượng sạch giúp tiết giảm lượng nguyên liệu sử dụng và khí thải trong vận hành. Công ty đã hợp tác chặt chẽ với nhà cung cấp và các công ty trong ngành áp dụng các công nghệ tiên tiến trong quy trình vận hành, liên tục nâng cao mức độ thân thiện với môi trường. Việc phát triển, triển khai chiến lược bền vững đặc biệt về nguồn nguyên vật liệu, kèm theo việc báo cáo và công bố kết quả là một phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Chiến lược kinh doanh được lập kế hoạch một cách cẩn trọng, bao gồm đánh giá thời gian khai thác và xác định kỹ lưỡng giờ khởi hành để tránh lãng phí nguồn nhân lực hoặc vận chuyển quá ít hành khách.

Để tăng cường ý thức của nhân viên, Công ty đã tổ chức chương trình đào tạo và tạo ý thức, khuyến khích sự đóng góp ý kiến, đề xuất từ nhân viên về cách cải thiện quá trình quản lý nguồn nguyên vật liệu. Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm tác động đối với môi trường mà còn đóng góp vào sự bền vững và trách nhiệm xã hội của Công ty trong ngành vận tải hành khách ven biển.



### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Các công ty vận tải hành khách đường biển đang đối mặt với thách thức lớn về tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là trong việc vận hành tàu và phương tiện khác. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp thường xuyên xuất phát từ việc sử dụng nhiên liệu như dầu diesel (DO), là nguồn năng lượng chủ yếu để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp. Trong phạm vi năng lượng tiêu thụ trực tiếp, Công ty cần đáp ứng nhu cầu vận hành các tàu, bao gồm việc cung cấp năng lượng cho động cơ, các thiết bị điện tử trên tàu, và cả nhu cầu về điều hòa không khí và cung cấp nước cho hành khách cũng như thủy thủ trên tàu. Đây không chỉ là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí, mà còn tạo ra khí thải từ quá trình vận hành tàu và tác động đến môi trường xung quanh.

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp liên quan đến các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động vận tải như văn phòng, kho bãi và nhà xưởng, những yếu tố này vẫn góp tỷ trọng trong tổng năng lượng tiêu thụ của Công ty.

Để giảm thiểu tiêu thụ năng lượng cả ở cả hai khía cạnh, Công ty đã triển khai các giải pháp như đầu tư vào tàu với công nghệ và thiết kế mới nhất để tối ưu hóa hiệu suất năng lượng. Công ty cũng tập trung vào việc tối ưu hóa tuyến đường vận tải và lịch trình vận hành để giảm thiểu lãng phí năng lượng. Thêm vào đó, Công ty khuyến khích nhân viên thực hiện biện pháp tiết kiệm năng lượng và sử dụng các công nghệ tiên tiến nhằm hỗ trợ quá trình giảm tiêu thụ năng lượng.

### TIÊU THỤ NƯỚC

Trong năm 2023, mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh là một khía cạnh quan trọng đối với quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động của Công ty. Các hoạt động này bao gồm sử dụng nước trong vận hành, các văn phòng và duy trì các khu vực cung cấp dịch vụ. Việc đảm bảo nguồn cung cấp ổn định và hiệu quả là trọng tâm của các biện pháp quản lý nước của Công ty.

Công ty đang chủ động trong việc quản lý và sử dụng nguồn cung cấp nước chính từ hệ thống đường ống dẫn nước của địa phương. Để đảm bảo hiệu suất và sự bền vững của hệ thống cung cấp nước, Công ty thực hiện các biện pháp tiết kiệm nước như: lắp đặt thiết bị tiết kiệm nước, chăm sóc và bảo dưỡng các hệ thống cấp nước, tuyên truyền và nâng cao ý thức tiết kiệm nước của người lao động.

Việc quản lý mức tiêu thụ nước của Công ty không chỉ là một phần quan trọng của chiến lược phát triển bền vững mà còn là cam kết đối với trách nhiệm xã hội và bảo vệ tài nguyên tự nhiên. Công ty không chỉ tập trung vào việc giảm lượng nước tiêu thụ mà còn tối ưu hóa cách sử dụng, tái chế và tái sử dụng nước để đảm bảo một tương lai bền vững.

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường, điều này chứng minh tầm quan trọng của việc tuân thủ tiêu chuẩn môi trường và pháp luật trong hoạt động kinh doanh. Các tàu của Công ty được thiết kế tuân thủ những quy định, tiêu chuẩn nghiêm ngặt về phát thải và tác động đến môi trường. Điều này là một phần quan trọng của nỗ lực bảo vệ môi trường và đảm bảo rằng hoạt động kinh doanh không tạo ra tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh.

Công ty không chỉ giới hạn ở việc tuân thủ ở hiện tại mà còn bao gồm các hành động cụ thể như nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Việc xem xét và triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng là một phần quan trọng của chiến lược nhằm bảo vệ môi trường và đảm bảo sự bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, sự tuân thủ các quy định và chấp hành sự kiểm soát chặt chẽ từ các cơ quan đăng kiểm Việt Nam cũng là một yếu tố quan trọng để đảm bảo rằng mọi hoạt động kinh doanh diễn ra một cách an toàn và hiệu quả. Điều này làm tăng tính minh bạch và đáng tin cậy của Công ty, đồng thời giữ cho mọi hoạt động được thực hiện theo đúng quy định, giảm thiểu tối đa sự tác động đến môi trường.

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với sự phát triển không ngừng của Công ty, đội ngũ nhân viên đã tăng lên đáng kể so với những ngày đầu hoạt động. Tuy nhiên, nguồn nhân lực trong ngành vận tải biển đang ngày càng khan hiếm, vì vậy Công ty cam kết thực hiện một loạt các chính sách nhằm bảo vệ, chăm sóc và phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp cho nhân viên, cùng xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh và lành mạnh.

Chính sách lao động của Công ty tập trung đặc biệt vào việc bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.



Các biện pháp an toàn nghiêm ngặt được thực hiện trên tàu và các điểm làm việc khác nhằm giảm thiểu rủi ro và bảo vệ tối đa sức khỏe của nhân viên. Chính sách này bao gồm cung cấp trang thiết bị bảo hộ cá nhân, huấn luyện về an toàn định kỳ, và các biện pháp phòng chống tai nạn lao động.

Trong năm vừa qua, mức thu nhập trung bình của nhân viên tại Công ty là 13,9 triệu đồng/người/tháng. Công ty cũng liên tục hỗ trợ người lao động trong việc phát triển sự nghiệp và duy trì tính cạnh tranh, Công ty triển khai các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục. Các khóa đào tạo và học tập này không chỉ tập trung vào kỹ năng nghề nghiệp mà còn bao gồm các kỹ năng mềm như quản lý thời gian, giao tiếp và làm việc nhóm. Nhân viên được khuyến khích và hỗ trợ để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, giúp họ không chỉ giữ vững công việc hiện tại mà còn có cơ hội phát triển sự nghiệp bền vững.

Chính sách lao động và phát triển nguồn nhân lực của Công ty không chỉ nhằm đảm bảo một môi trường làm việc an toàn mà còn hỗ trợ, khích lệ sự phát triển cá nhân và chuyên môn của nhân viên, góp phần xây dựng một đội ngũ lao động chất lượng và đầy đủ năng lực để đối mặt với các thách thức trong ngành.

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Với triển vọng xa hơn về sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội, Công ty không chỉ hướng sự chú ý vào hoạt động kinh doanh mà còn đặt mục tiêu tích cực tham gia vào các chương trình mang lại giá trị cho cộng đồng. Cam kết của Công ty là duy trì và mở rộng các mối quan hệ cộng tác chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn, nhằm đóng góp tài chính và hỗ trợ cho những trường hợp khó khăn. Đồng thời, Công ty sẽ chủ động tham gia vào các chương trình xây dựng cộng đồng có hiệu quả lâu dài.

Đặc biệt, Công ty tập trung vào việc hỗ trợ các hoạt động cộng đồng tại những địa phương mà Công ty hoạt động. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty xây dựng uy tín tích cực trong cộng đồng mà còn đóng góp vào việc nâng cao trách nhiệm xã hội. Qua đó, Công ty không chỉ tạo ra giá trị ngắn hạn cho cộng đồng mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội, hình thành một tương lai mà mọi người có thể cùng nhau chia sẻ lợi ích.

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Thị trường vốn xanh là các hoạt động trong lĩnh vực tài chính và đầu tư có ảnh hưởng tích cực đến môi trường và xã hội. Thị trường này thường liên quan đến việc huy động và cung cấp vốn cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh thân thiện với môi trường của doanh nghiệp, hay tổ chức hướng đến mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Thị trường vốn xanh đòi hỏi sự minh bạch và báo cáo rõ ràng về phương thức mà vốn được sử dụng và ảnh hưởng của các dự án đối với môi trường và xã hội. Điều này giúp đảm bảo rằng vốn được huy động và đầu tư có ý nghĩa tích cực và bền vững. Thị trường này bao gồm các sản phẩm, công cụ tài chính như trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh,... Các công ty hoặc tổ chức tham gia thị trường vốn xanh thường tập trung vào việc huy động vốn để đầu tư vào các dự án và hoạt động có tác động tích cực đối với môi trường, như các dự án năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng, và giảm phát thải khí nhà kính. Ngoài ra, các công ty cũng có thể chú trọng đến các dự án xã hội, như giáo dục, y tế, hay phát triển cộng đồng.

Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch tham gia thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty vẫn không ngừng cam kết và thực hiện các trách nhiệm đối với môi trường để đạt mục tiêu phát triển bền vững. Điều này thể hiện sự tận tâm của Công ty đối với việc duy trì các tiêu chuẩn cao về bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển có trách nhiệm.

Trong tương lai, khi có nhu cầu tham gia vào thị trường vốn xanh, các cam kết và hành động hiện tại của Công ty vì môi trường sẽ là nền tảng vững chắc và minh chứng thuyết phục. Những nỗ lực và tiêu chuẩn cao về bảo vệ môi trường hiện tại của Công ty sẽ là cơ sở chắc chắn, chứng tỏ sự mạnh mẽ và nhất quán của Công ty khi hội nhập vào thị trường vốn xanh.





# 7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán  
Báo cáo tài chính được kiểm toán



**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**Báo cáo Tài chính**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC  
SUPERDONG – KIẾN GIANGNăm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(Đã được kiểm toán)**NỘI DUNG**

|                                      | Trang |
|--------------------------------------|-------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 02-03 |
| Báo cáo Kiểm toán độc lập            | 04    |
| Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  |       |
| Bảng cân đối kế toán                 | 05-06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 07    |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 08    |
| Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính    | 09-32 |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 170056108 ngày 14/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, và các lần sửa đổi.

Trụ sở chính của Công ty tại số 187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

|                          |              |  |
|--------------------------|--------------|--|
| Ông Phan Hồng Phúc       | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023<br>(Trước đây: Thành viên HĐQT) |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023                                 |
| Bà Hà Nguyệt Nhi         | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023<br>(Trước đây: Chủ tịch)        |
| Ông Puan Kwong Siing     | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023                                 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng   | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023                                 |
| Ông Bùi Tiến Đức         | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023                                 |
| Bà Nguyễn Bích Nghĩa     | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 27/04/2023                                 |
| Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ     | Thành viên   | Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023                             |
| Bà La Xuân Đào           | Thành viên   | Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023                             |
| Ông Tăng Siêu Tâm        | Thành viên   | Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023                             |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

|                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| Ông Puan Kwong Siing   | Tổng Giám đốc     |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán gồm:

|                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| Ông Bùi Tiến Đức     | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 12/05/2023     |
| Bà Nguyễn Bích Nghĩa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12/05/2023     |
| Ông Phan Hồng Phúc   | Chủ tịch   | Hết nhiệm kỳ ngày 27/04/2023 |
| Bà La Xuân Đào       | Thành viên | Hết nhiệm kỳ 27/04/2023      |

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Kim Hồng**

Phó Tổng Giám đốc

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Số: 250324.002/BCTC.FIS1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được lập ngày 25/03/2024, từ trang 05 đến trang 32 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH  
Hãng Kiểm toán AASC**

(Đã ký)

**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

(Đã ký)

**Đình Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3681-2022-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

| Mã số      | TÀI SẢN                                 | Thuyết minh | 31/12/2023<br>VND      | 01/01/2023<br>VND      |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>              |             | <b>549.294.422.566</b> | <b>407.839.783.960</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và tương đương tiền</b>      | <b>3</b>    | <b>14.724.403.015</b>  | <b>10.821.490.950</b>  |
| 111        | 1. Tiền                                 |             | 5.724.403.015          | 10.821.490.950         |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền           |             | 9.000.000.000          | -                      |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>    |             | <b>199.103.287.671</b> | <b>206.395.990.363</b> |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn      | 4           | 199.103.287.671        | 206.395.990.363        |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b> |             | <b>299.748.359.677</b> | <b>154.434.694.071</b> |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng     | 5           | 52.365.802.919         | 661.034.010            |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn     | 6           | 213.556.454.617        | 122.180.058.584        |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác               | 7           | 33.826.102.141         | 31.593.601.477         |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                 |             | <b>29.326.994.357</b>  | <b>29.360.949.182</b>  |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                         | 8           | 29.326.994.357         | 29.360.949.182         |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>         |             | <b>6.391.377.846</b>   | <b>6.826.659.394</b>   |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn           | 9           | 2.683.162.278          | 3.138.414.491          |
| 152        | 2. Thuế GTGT được khấu trừ              |             | 3.708.215.568          | 3.688.244.903          |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>               |             | <b>348.105.416.666</b> | <b>449.253.544.992</b> |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>    |             | <b>805.000.000</b>     | <b>945.000.000</b>     |
| 216        | 1. Phải thu dài hạn khác                | 7           | 805.000.000            | 945.000.000            |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>              |             | <b>338.789.867.348</b> | <b>441.606.142.693</b> |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình             | 10          | 331.105.680.778        | 433.521.733.463        |
| 222        | - Nguyên giá                            |             | 724.913.511.245        | 813.318.730.534        |
| 223        | - Giá trị hao mòn lũy kế                |             | (393.807.830.467)      | (379.796.997.071)      |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình              | 11          | 7.684.186.570          | 8.084.409.230          |
| 228        | - Nguyên giá                            |             | 9.756.532.581          | 10.329.532.581         |
| 229        | - Giá trị hao mòn lũy kế                |             | (2.072.346.011)        | (2.245.123.351)        |
| <b>240</b> | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>      |             | <b>1.442.491.889</b>   | <b>897.772.730</b>     |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang      | 12          | 1.442.491.889          | 897.772.730            |
| <b>260</b> | <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>         |             | <b>7.068.057.429</b>   | <b>5.804.629.569</b>   |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn            | 9           | 7.068.057.429          | 5.804.629.569          |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                |             | <b>897.399.839.232</b> | <b>857.093.328.952</b> |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(Tiếp theo)

| Mã số      | NGUỒN VỐN   | Thuyết minh | 31/12/2023<br>VND      | 01/01/2023<br>VND      |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   |             | <b>15.372.732.529</b>  | <b>13.111.133.494</b>  |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   |             | <b>15.312.732.529</b>  | <b>13.111.133.494</b>  |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 13          | 1.670.619.650          | 1.570.822.893          |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          |             | 1.024.517.673          | 2.164.142.018          |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 14          | 2.606.531.009          | 1.312.258.271          |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                    |             | 9.114.927.721          | 7.579.504.160          |
| 319        | 5. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 15          | 896.136.476            | 484.406.152            |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>   |             | <b>60.000.000</b>      | -                      |
| 337        | 1. Phải trả dài hạn khác                                      | 15          | 60.000.000             | -                      |
| <b>400</b> | <b>D. NGUỒN VỐN</b>   |             | <b>882.027.106.703</b> | <b>843.982.195.458</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>16</b>   | <b>882.027.106.703</b> | <b>843.982.195.458</b> |
| 411        | 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     |             | 633.317.350.000        | 633.317.350.000        |
| 411a       | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      |             | 633.317.350.000        | 633.317.350.000        |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       |             | 11.469.923.636         | 11.469.923.636         |
| 418        | 3. Quỹ đầu tư phát triển                                      |             | 6.825.309.715          | 6.825.309.715          |
| 420        | 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                              |             | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          |
| 421        | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 228.414.523.352        | 190.369.612.107        |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước |             | 158.703.744.607        | 147.392.541.211        |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   |             | 69.710.778.745         | 42.977.070.896         |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>897.399.839.232</b> | <b>857.093.328.952</b> |

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng  
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023

| Mã số     | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2023<br>VND        | Năm 2022<br>VND        |
|-----------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>01</b> | <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>18</b>   | <b>409.409.403.099</b> | <b>409.849.711.359</b> |
| 02        | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           |             | -                      | -                      |
| <b>10</b> | <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |             | <b>409.409.403.099</b> | <b>409.849.711.359</b> |
| <b>11</b> | <b>4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>            | <b>19</b>   | <b>289.319.730.887</b> | <b>314.361.072.116</b> |
| <b>20</b> | <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   |             | <b>120.089.672.212</b> | <b>95.488.639.243</b>  |
| 21        | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 20          | 17.362.582.119         | 8.508.589.260          |
| 22        | 7. Chi phí tài chính                                      |             | 26.814.370             | -                      |
| 23        | Trong đó: Chi phí lãi vay                                 |             | -                      | -                      |
| 25        | 8. Chi phí bán hàng                                       | 21          | 45.438.146.531         | 44.079.332.929         |
| 26        | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 22          | 15.080.188.732         | 12.760.850.274         |
| <b>30</b> | <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        |             | <b>76.907.104.698</b>  | <b>47.157.045.300</b>  |
| 31        | 11. Thu nhập khác   | 23          | 6.328.415.671          | 1.427.977.052          |
| 32        | 12. Chi phí khác  |             | 688.402.235            | 678.261.833            |
| <b>40</b> | <b>13. Lợi nhuận khác</b>                                 |             | <b>5.640.013.436</b>   | <b>749.715.219</b>     |
| <b>50</b> | <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>              |             | <b>82.547.118.134</b>  | <b>47.906.760.519</b>  |
| 51        | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                           | 24          | 12.836.339.389         | 4.929.689.623          |
| 52        | 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                            |             | -                      | -                      |
| <b>60</b> | <b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                        |             | <b>69.710.778.745</b>  | <b>42.977.070.896</b>  |
| <b>70</b> | <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                       | <b>24</b>   | <b>1.101</b>           | <b>679</b>             |

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng  
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm 2023  
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số  | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2023<br>VND         | Năm 2022<br>VND         |
|--|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |  |             |                         |                         |
| <b>01</b>  | <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   |             | <b>82.547.118.134</b>   | <b>47.906.760.519</b>   |
|  | <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |             |                         |                         |
| 02   | Khấu hao tài sản cố định   |             | 43.875.276.242          | 52.092.165.428          |
| 04   | (Lãi) CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ             |             | (21.660.637)            | (545.184)               |
| 05   | (Lãi) từ hoạt động đầu tư  |             | (21.086.456.623)        | (8.506.063.898)         |
| <b>08</b>  | <b>3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>            |             | <b>105.314.277.116</b>  | <b>91.492.316.865</b>   |
| 09   | (Tăng)/Giảm các khoản phải thu   |             | 1.408.305.772           | (1.184.667.666)         |
| 10   | (Tăng)/Giảm hàng tồn kho   |             | 33.954.825              | (1.362.258.074)         |
| 11   | Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)          |             | 748.871.261             | 1.960.838.870           |
| 12   | (Tăng)/Giảm chi phí trả trước  |             | (900.769.963)           | 2.734.414.283           |
| 15   | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  |             | (11.324.660.991)        | (800.000.000)           |
| <b>20</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                         |             | <b>95.279.978.020</b>   | <b>92.840.644.278</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>     |  |             |                         |                         |
| 21   | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác |             | (94.637.768.663)        | (23.264.761.458)        |
| 22   | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác         |             | 15.530.633.196          | -                       |
| 23   | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                      |             | (271.003.287.671)       | (255.436.457.574)       |
| 24   | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác              |             | 278.295.990.363         | 183.000.000.000         |
| 27   | 7. Tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                           |             | 12.102.069.573          | 5.489.302.294           |
| <b>30</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                             |             | <b>(59.712.363.202)</b> | <b>(90.211.916.738)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                         |                         |
| 36   | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                   |             | (31.664.668.124)        | -                       |
| <b>40</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                          |             | <b>(31.664.668.124)</b> | <b>-</b>                |
| <b>50</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                       |             | <b>3.902.946.694</b>    | <b>2.628.727.540</b>    |
| <b>60</b>  | <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                      | <b>3</b>    | <b>10.821.490.950</b>   | <b>8.191.903.226</b>    |
| 61   | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái                                       |             | (34.629)                | 860.184                 |
| <b>70</b>  | <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                     | <b>3</b>    | <b>14.724.403.015</b>   | <b>10.821.490.950</b>   |

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng  
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào  
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 170056108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/11/2007, và các lần sửa đổi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 187 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 633.317.350.000 VND, tương đương 63.331.735 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Cổ phần của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là SKG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 323 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 317 người).

**Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.

**Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

- Hai phà cao tốc theo hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao phà cao tốc bằng hợp kim nhôm với Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd được sử dụng để cung cấp dịch vụ vận tải hành khách và hàng hoá tại Cảng mở rộng thuộc tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, dự án xây dựng Cảng mở rộng đang được thi công xây dựng nên chưa có bến bãi để Công ty neo đậu phà. Ngoài ra, nhà cung cấp Kaibuok không thu phí neo đậu trong thời gian phà chưa về nước do hai phà đang trong quá trình hoàn thiện việc lắp đặt máy móc thiết bị. (Xem thêm tại Thuyết minh 6.1).
- Bốn tàu cao tốc Superdong IX, X, XI, XII đã có kế hoạch hoán cải theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 01/9/2022 nhằm gia tăng năng suất và hoạt động của tàu. Dự án hoán cải sẽ được triển khai dần với mỗi tàu sau khi qua giai đoạn tập trung vận hành khai thác tàu để phục vụ nhu cầu đi lại gia tăng của hành khách và vận chuyển hàng hoá mùa cao điểm du lịch. Tại ngày 31/12/2023, tàu cao tốc Superdong IX và Superdong XII đang trong quá trình thực hiện hoán cải. (Xem thêm tại Thuyết minh 6.2).
- Hai phà cao tốc 3 thân đóng mới cho dự án vận tải hành khách và hàng hoá tuyến Phan Thiết – Phú Quý và tuyến Vũng Tàu – Côn Đảo theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐQT ngày 16/08/2023 đang trong quá trình lên kế hoạch triển khai. Thời gian hoàn thành theo hợp đồng là 18 tháng và phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành việc đóng và lắp đặt máy móc thiết bị của các phà cũng như thời gian chuẩn bị bến bãi để nhập phà về nước hoạt động. (Xem thêm tại Thuyết minh 6.3).
- Tàu cao tốc đóng mới cho dự án vận tải hành khách và hàng hoá hai chiều giữa thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 01/9/2022 đang trong quá trình lên kế hoạch triển khai. Thời gian hoàn thành dự án phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành việc đóng và lắp đặt máy móc thiết bị của các tàu cũng như thời gian chuẩn bị bến bãi để nhập tàu về nước hoạt động.
- Trong năm, Công ty thanh lý hai phà Superdong PI, PII của dự án đầu tư mở rộng cho Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 21/02/2023 của Hội đồng Quản trị sau khi Công ty đánh giá những vấn đề về chi phí sửa chữa và khả năng vận hành trong tương lai của 2 phà. Hai phà được thanh lý với giá trị 2.800.000 USD tương đương

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

65.968.000.000 VND, thu nhập từ thanh lý với giá trị 5.458.552.077 VND. (Xem thêm tại Thuyết minh 5, Thuyết minh 10 và Thuyết minh 23).

- vi. Từ năm 2023, Công ty không còn được áp dụng ưu đãi về thuế suất đối với thu nhập từ các dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2007 – 2012 (liên quan tới các tàu Superdong I, II, III, IV, V, VI) theo trả lời của Cục thuế tỉnh Kiên Giang tại Công văn 1341/CTKGI-TTHT ngày 05 tháng 10 năm 2023. Theo đó, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành năm 2023 của Công ty tăng so với năm 2022.
- vii. Theo Quyết định số 1019/QĐ-XPVPHC ngày 08/08/2023 của Cục thuế tỉnh Kiên Giang về thanh tra thuế từ năm 2019 đến năm 2022 tại Công ty, Công ty đã tiến hành nộp thuế và kê khai điều chỉnh vào chi phí trong năm 2023. Trong đó, truy thu thuế Giá trị gia tăng là 92.658.944 VND, truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp là 119.896.802 VND, phạt chậm nộp thuế là 89.606.745 VND.

**Cấu trúc Công ty**

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động trong cùng lĩnh vực nêu trên là:

| Chi nhánh           | Địa chỉ  |
|---------------------|--|
| VPĐD Hồ Chí Minh    | 610 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh   |
| Chi nhánh Nam Du    | Số 02 ấp Cũ Tron, xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang   |
| Chi nhánh Sóc Trăng | Thửa đất số 102, 103, 104, tờ bản đồ số 47, ấp Đào Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. |
| Chi nhánh Phú Quý   | Số 47 Ngô Quyền, thôn Triều Dương, xã Tam Thanh, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận.                           |
| Chi nhánh Côn Đảo   | Đường Trần Phú, khu 6, thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.                            |

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (“VND”).

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**2.3 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- ▶ Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

**2.4 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị ghi nhận sau ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- ▶ Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

## 2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm (nếu có) căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

## Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

|  |                      |
|--|----------------------|
| ▶ Nhà cửa, vật kiến trúc                   | 03 - 40 năm          |
| ▶ Máy móc, thiết bị                        | 02 - 10 năm          |
| ▶ Phương tiện vận tải truyền dẫn           | 05 - 15 năm          |
| ▶ Thiết bị quản lý                         | 01 - 03 năm          |
| ▶ Phần mềm quản lý vé và phần mềm máy tính | 03 - 05 năm          |
| ▶ Quyền sử dụng đất lâu dài                | Không trích khấu hao |
| ▶ TSCĐ vô hình khác                        | 15 năm               |
| ▶ TSCĐ hữu hình khác                       | 02 - 05 năm          |

## 2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm;

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

- ▶ Chi phí bảo hiểm đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm;
- ▶ Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm;
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 03 năm.

**2.14 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quý khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

**2.16 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.17 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.18 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp****Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**Ưu đãi thuế còn hiệu lực trong năm 2023**

| <u>Mô tả</u>                            | <u>Dự án</u>   | <u>Thuế suất</u>  |
|---|--|---|
| Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi | Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII, Phà PI, PII   | Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế. |
| Các dự án đầu tư mới                    | Bus Bãi vòng Đông Dương, Tàu Côn đảo I, II, Bus Trần Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Phú Quý I, II | Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo                   |

**Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Thuế suất áp dụng cho các thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi thuế trong năm là 20%.

**2.20 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023**2.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.22 Thông tin bộ phận**

Toàn bộ doanh thu của Công ty đến từ hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa ven biển trên địa bàn các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3. Tiền và tương đương tiền**

|                            | 31/12/2023            | 01/01/2023            |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                            | VND                   | VND                   |
| Tiền mặt                   | 1.069.024.878         | 978.406.000           |
| Tiền gửi ngân hàng         | 4.319.436.026         | 9.467.760.299         |
| Tiền đang chuyển           | 335.942.111           | 375.324.651           |
| Các khoản tương đương tiền | 9.000.000.000         | -                     |
|                            | <b>14.724.403.015</b> | <b>10.821.490.950</b> |

Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Kiên Giang với lãi suất từ 3,30%/năm đến 3,70%/năm.

**4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

|                    | 31/12/2023             | 01/01/2023             |
|--------------------|------------------------|------------------------|
|                    | VND                    | VND                    |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 199.103.287.671        | 206.395.990.363        |
|                    | <b>199.103.287.671</b> | <b>206.395.990.363</b> |

Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,40%/năm đến 9,30%/năm.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                  | 31/12/2023            | 01/01/2023         |
|----------------------------------|-----------------------|--------------------|
|                                  | VND                   | VND                |
| <b>Bên liên quan</b>             | <b>51.881.000.528</b> | -                  |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (*) | 51.881.000.528        | -                  |
| <b>Bên khác</b>                  | <b>484.802.391</b>    | <b>661.034.010</b> |
| Các đối tượng khác               | 484.802.391           | 661.034.010        |
|                                  | <b>52.365.802.919</b> | <b>661.034.010</b> |

(\*) Số dư tại ngày 31/12/2023 là khoản phải thu Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Shd tiền bán thanh lý hai phà Superdong PI, PII của dự án đầu tư mở rộng. (Xem thêm tại Thuyết minh 1.v, Thuyết minh 10 và Thuyết minh 23).

**6. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                  | 31/12/2023             | 01/01/2023             |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| <b>Bên liên quan</b>             | <b>212.719.989.875</b> | <b>120.102.794.875</b> |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (*) | 212.719.989.875        | 120.102.794.875        |
| <b>Bên khác</b>                  | <b>836.464.742</b>     | <b>2.077.263.709</b>   |
| Các đối tượng khác               | 836.464.742            | 2.077.263.709          |
|                                  | <b>213.556.454.617</b> | <b>122.180.058.584</b> |

(\*) Số dư tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

- 1) Ứng trước thực hiện hai hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao hai phà cao tốc chờ khách bằng hợp kim nhôm. Tiến độ các hợp đồng như sau:
  - ▶ Hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 với giá trị 45.118.413.549 VND: Phà đã hoàn thiện tuy nhiên chưa chuyển giao cho Công ty do Công ty chưa có bến bãi neo đậu;
  - ▶ Hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRP/12/19 với giá trị 53.325.741.326 VND: Phà đang trong quá trình hoàn thiện khâu lắp đặt máy móc thiết bị sau thời gian gián đoạn bởi dịch Covid-19 và Công ty chưa có bến bãi neo đậu phà.

Các khoản ứng trước của 2 hợp đồng trên đều được xác nhận số dư tại ngày 31/12/2023. Ngoài ra, Công ty không phải chịu các chi phí phát sinh trong thời gian hai phà chưa vận chuyển về Việt Nam.

- 2) Ứng trước theo Hợp đồng số KS/SUP/RE No 9 to 12/09/2022 ngày 10/9/2022 với giá trị 76.777.910.000 VND để cung cấp dịch vụ hoán cải 4 tàu Superdong IX, X, XI, XII. Theo quy định hợp đồng, thời gian thực hiện hoán cải là 3 tháng kể từ ngày tàu được bàn giao. Tại ngày 31/12/2023, tàu cao tốc Superdong IX và Superdong XII đang trong quá trình thực hiện hoán cải.
- 3) Ứng trước theo Hợp đồng số KS/SUPERDONG/TRIMARANROPAX/08/23 ngày 17/08/2023 với giá trị 37.497.925.000 VND để đóng phà cao tốc 3 thân mới cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý và tuyến Vũng Tàu – Côn Đảo. Thời gian hoàn thành theo hợp đồng là 18 tháng và phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành việc đóng và lắp đặt máy móc thiết bị của các phà cũng như thời gian chuẩn bị bến bãi để nhập phà về nước hoạt động.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

## 7. Phải thu khác

|   | 31/12/2023            | 01/01/2023            |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| <b>a) Ngắn hạn</b>  |                       |                       |
| <b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>                          |                       |                       |
| Lãi tiền gửi dự thu   | 8.597.736.211         | 5.071.901.238         |
| Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên (*)                       | 24.214.019.671        | 24.214.019.671        |
| Tạm ứng nhân viên   | 890.000.000           | 795.000.000           |
| Ký cược, ký quỹ   | 6.000.000             | 6.000.000             |
| Phải thu bồi thường bảo hiểm                                | -                     | 13.996.000            |
| Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên                              | -                     | 1.176.000.000         |
| Phải thu khác   | 118.346.259           | 316.684.568           |
|   | <b>33.826.102.141</b> | <b>31.593.601.477</b> |
| <b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>                         |                       |                       |
| <b>Bên liên quan</b>  |                       |                       |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd                                | 118.346.259           | 118.346.259           |
| <b>Bên khác</b>   |                       |                       |
| Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tiên (*)                       | 24.214.019.671        | 24.214.019.671        |
| Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên                              | -                     | 1.176.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang    | 4.098.597.260         | 1.649.558.904         |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Điện Biên Phủ | 3.040.901.918         | 2.379.019.048         |
| Các đối tượng khác  | 2.354.237.033         | 2.056.657.595         |
|   | <b>33.826.102.141</b> | <b>31.593.601.477</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>   |                       |                       |
| <b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>                          |                       |                       |
| Ký cược, ký quỹ   | 805.000.000           | 805.000.000           |
| Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên                              | -                     | 140.000.000           |
|   | <b>805.000.000</b>    | <b>945.000.000</b>    |
| <b>b.2) Chi tiết theo đối tượng</b>                         |                       |                       |
| <b>Bên liên quan</b>  |                       |                       |
| Bà Hà Nguyệt Nhi - Đặt cọc thuê văn phòng                   | 30.000.000            | 30.000.000            |
| <b>Bên khác</b>   |                       |                       |
| Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên                              | -                     | 140.000.000           |
| Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng - Ký quỹ dự án Trần Đề | 675.000.000           | 675.000.000           |
| Ông Văn Văn Tuấn - Đặt cọc thuê văn phòng                   | 100.000.000           | 100.000.000           |
|   | <b>805.000.000</b>    | <b>945.000.000</b>    |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

(\*) Số dư cuối năm bao gồm:

- ▶ Khoản hoàn tiền trúng thầu với giá trị là 21.350.000.000 VND; và
- ▶ Lãi chậm trả ước tính của Công ty với giá trị là 2.864.019.671 VND.

Theo văn bản số 215/UBND-TCKH ngày 08/7/2019 của UBND thành phố Hà Tiên và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐQT ngày 04/09/2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty và UBND thành phố Hà Tiên đã thống nhất hủy kết quả đấu giá quyền sử dụng, bàn giao thửa số 18, khu phố 1, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát sinh tháng 12 năm 2017. Bên cạnh đó, UBND thành phố Hà Tiên sẽ hoàn trả tiền trúng thầu cùng tiền lãi chậm trả cho Công ty.

Theo Văn bản số 109/CVTP-2023 ngày 04/12/2023 của Công ty gửi UBND Thành phố Hà Tiên và Văn bản số 886/UBND-VP ngày 21/12/2023 của UBND Thành phố Hà Tiên gửi Công ty, hai bên đã thống nhất phương án “Hủy kết quả trúng đất giá và hoàn trả tiền trúng đất giá lại Công ty, cộng với lãi suất tính theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Nhà nước”.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, các bên vẫn đang tiếp tục trao đổi để thống nhất về lãi suất áp dụng. Theo đó, lãi chậm trả phát sinh có thể thay đổi tùy theo kết quả làm việc giữa hai bên.

## 8. Hàng tồn kho

|            | 31/12/2023            | 01/01/2023            |
|------------|-----------------------|-----------------------|
|            | VND                   | VND                   |
| Phụ tùng   | 22.396.281.523        | 22.340.895.292        |
| Dầu Do     | 1.577.612.162         | 1.789.140.617         |
| Nhiên liệu | 500.647.981           | 606.923.358           |
| Vật liệu   | 4.806.665.834         | 4.523.736.581         |
| Hàng hóa   | 45.786.857            | 100.253.334           |
|            | <b>29.326.994.357</b> | <b>29.360.949.182</b> |

## 9. Chi phí trả trước

|                                 | 31/12/2023           | 01/01/2023           |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                 | VND                  | VND                  |
| <b>a) Ngắn hạn</b>              |                      |                      |
| Chi phí bảo hiểm                | 479.456.305          | 650.244.648          |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu | 978.454.460          | 1.279.969.184        |
| Chi phí trả trước khác          | 1.225.251.513        | 1.208.200.659        |
|                                 | <b>2.683.162.278</b> | <b>3.138.414.491</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>               |                      |                      |
| Công cụ, dụng cụ                | 112.105.320          | 155.603.635          |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu | 2.385.944.521        | 1.158.020.854        |
| Tiền thuê đất trả trước (*)     | 3.989.271.975        | 4.081.866.291        |
| Chi phí trả trước khác          | 580.735.613          | 409.138.789          |
|                                 | <b>7.068.057.429</b> | <b>5.804.629.569</b> |

(\*) Tiền thuê đất trả tiền một lần tại ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án Bến Cảng Trần Đề - Sóc Trăng (Xem thêm tại Thuyết minh 12) theo hợp đồng thuê đất được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 17.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**10. Tài sản cố định hữu hình**

|                            | Nhà cửa, vật kiến trúc<br>VND | Máy móc, thiết bị<br>VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn<br>VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý<br>VND | Tài sản cố định hữu hình khác<br>VND | Tổng<br>VND            |
|----------------------------|-------------------------------|--------------------------|--|----------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>          |                               |                          |  |                                  |                                      |                        |
| Tại ngày 01/01/2023        | 67.923.669.056                | 1.250.157.802            | 742.642.670.126                        | 1.108.835.527                    | 393.398.023                          | 813.318.730.534        |
| Mua mới                    | -                             | -                        | -                                      | 459.200.000                      | -                                    | 459.200.000            |
| Thanh lý                   | -                             | -                        | (88.730.601.108)                       | -                                | (133.818.181)                        | (88.864.419.289)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b> | <b>67.923.669.056</b>         | <b>1.250.157.802</b>     | <b>653.912.069.018</b>                 | <b>1.568.035.527</b>             | <b>259.579.842</b>                   | <b>724.913.511.245</b> |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>      |                               |                          |  |                                  |                                      |                        |
| Tại ngày 01/01/2023        | 7.286.514.644                 | 965.865.795              | 370.227.090.852                        | 968.862.980                      | 348.662.800                          | 379.796.997.071        |
| Khấu hao                   | 1.970.265.056                 | 105.180.192              | 41.387.602.939                         | 143.925.551                      | 73.641.112                           | 43.680.614.850         |
| Thanh lý                   | -                             | -                        | (29.539.308.700)                       | -                                | (130.472.754)                        | (29.669.781.454)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b> | <b>9.256.779.700</b>          | <b>1.071.045.987</b>     | <b>382.075.385.091</b>                 | <b>1.112.788.531</b>             | <b>291.831.158</b>                   | <b>393.807.830.467</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>     |                               |                          |  |                                  |                                      |                        |
| Tại ngày 01/01/2023        | 60.637.154.412                | 284.292.007              | 372.415.579.274                        | 139.972.547                      | 44.735.223                           | 433.521.733.463        |
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b> | <b>58.666.889.356</b>         | <b>179.111.815</b>       | <b>271.836.683.927</b>                 | <b>455.246.996</b>               | <b>(32.251.316)</b>                  | <b>331.105.680.778</b> |

▶ Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.864.148.252 VND;

▶ Công ty thanh lý hai phần Superdong PI, PII của dự án đầu tư mở rộng cho Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HDQT ngày 21/02/2023 của Hội đồng Quản trị. (Xem thêm tại Quyết định minh 1.v, Quyết định minh 5, Quyết định minh 23).

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**11. Tài sản cố định vô hình**

|                            | Quyền sử dụng đất<br>VND | Phần mềm máy tính<br>VND | Tài sản cố định vô hình khác<br>VND | Tổng<br>VND          |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>          |                          |                          |                                     |                      |
| Tại ngày 01/01/2023        | 7.126.349.000            | 2.254.075.390            | 949.108.191                         | 10.329.532.581       |
| Mua trong năm              | -                        | 164.000.000              | 36.000.000                          | 200.000.000          |
| Thanh lý                   | -                        | -                        | (773.000.000)                       | (773.000.000)        |
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b> | <b>7.126.349.000</b>     | <b>2.418.075.390</b>     | <b>212.108.191</b>                  | <b>9.756.532.581</b> |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>      |                          |                          |                                     |                      |
| Tại ngày 01/01/2023        | -                        | 1.798.465.188            | 446.658.163                         | 2.245.123.351        |
| Khấu hao trong năm         | -                        | 90.224.245               | 11.842.831                          | 102.067.076          |
| Thanh lý                   | -                        | -                        | (274.844.416)                       | (274.844.416)        |
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b> | <b>-</b>                 | <b>1.888.689.433</b>     | <b>183.656.578</b>                  | <b>2.072.346.011</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>     |                          |                          |                                     |                      |
| Tại ngày 01/01/2023        | 7.126.349.000            | 455.610.202              | 28.451.613                          | 8.084.409.230        |
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b> | <b>7.126.349.000</b>     | <b>529.385.957</b>       | <b>28.451.613</b>                   | <b>7.684.186.570</b> |

▶ Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.975.183.581 VND;

▶ Quyền sử dụng đất lâu dài là các diện tích đất làm văn phòng của Công ty tại:  
(i) 1F, Nguyễn Huỳnh Đức, thành phố Rạch Giá; tỉnh Kiên Giang;  
(ii) 14 Tự Do, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;  
(iii) số L4, lô 01, đường 3/2, thành phố Rạch Giá; tỉnh Kiên Giang.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | 31/12/2023<br>VND    | 01/01/2023<br>VND  |
|--|----------------------|--------------------|
| Mua sắm tài sản cố định                      | 826.018.518          | 823.285.185        |
| Xây dựng cơ bản dở dang                      | 74.487.545           | 74.487.545         |
| <i>Trong đó</i>                              |                      |                    |
| - Công trình bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng (*) | 74.487.545           | 74.487.545         |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định                 | 541.985.826          | -                  |
|  | <b>1.442.491.889</b> | <b>897.772.730</b> |

(\*) Thông tin chi tiết dự án Bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng:

Khởi công xây dựng từ tháng 1/2017 tại ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, dự án có tổng mức đầu tư 90 tỷ VND để đầu tư bến cảng (gồm các hạng mục: cầu cảng, kho, trụ sở, cơ sở dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ cho nhân viên, kinh doanh ăn uống, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước và các công trình phụ trợ khác). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình nhà ga bán vé, nhà chờ và các công trình phụ trợ trong phạm vi nhà chờ; vận hành tàu đóng mới và khai thác với tần suất 14 chuyên/tháng/2 tàu. Do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 (giai đoạn 2020-2021) làm gián đoạn quá trình thực hiện dự án, phần dự án chưa hoàn thiện đang tạm dừng thi công. Công ty đang tiến hành xin gia hạn quyền sử dụng đất tại bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng để được tiếp tục thực hiện dự án đối với các hạng mục công trình còn lại và xin cấp phép xây dựng mới do giấy phép xây dựng ban đầu đã hết thời hạn thực hiện. Dự kiến năm 2025 toàn bộ dự án sẽ hoàn thành.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | 31/12/2023           |                           | 01/01/2023           |                           |
|---|----------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------|
|   | Giá trị VND          | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND          | Số có khả năng trả nợ VND |
| <b>Bên liên quan</b>                        | <b>24.300.000</b>    | <b>24.300.000</b>         | <b>23.730.000</b>    | <b>23.730.000</b>         |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd                | 24.300.000           | 24.300.000                | 23.730.000           | 23.730.000                |
| <b>Bên khác</b>                             | <b>1.646.319.650</b> | <b>1.646.319.650</b>      | <b>306.950.000</b>   | <b>306.950.000</b>        |
| Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang            | 155.040.000          | 155.040.000               | -                    | -                         |
| Công ty TNHH Cảng Thương Chánh              | 301.250.000          | 301.250.000               | 110.150.000          | 110.150.000               |
| Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Phi Hải       | 415.560.000          | 415.560.000               | 196.800.000          | 196.800.000               |
| Công ty TNHH Thương mại Công Nghệ Đại Thắng | -                    | -                         | 260.000.000          | 260.000.000               |
| Các đối tượng khác                          | 774.469.650          | 774.469.650               | 980.142.893          | 980.142.893               |
|   | <b>1.670.619.650</b> | <b>1.670.619.650</b>      | <b>1.570.822.893</b> | <b>1.570.822.893</b>      |

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | 01/01/2023           |                       | Phát sinh             |                      | 31/12/2023      |                 |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------|-----------------|
|                            | Số phải nộp VND      | Số đã nộp VND         | Số phải nộp VND       | Số phải nộp VND      | Số phải nộp VND | Số phải nộp VND |
| Thuế giá trị gia tăng      | 654.043.031          | 19.096.940.605        | 18.780.997.395        | 338.099.821          |                 |                 |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                    | 150.680.793           | 150.680.793           | -                    |                 |                 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 622.494.971          | 11.324.660.991        | 12.836.339.388        | 2.134.173.368        |                 |                 |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 32.468.123           | 3.385.287.631         | 3.465.259.435         | 112.439.927          |                 |                 |
| Các loại thuế khác         | 3.252.146            | 256.271.085           | 274.836.832           | 21.817.893           |                 |                 |
| Các khoản phải nộp khác    | -                    | 89.606.745            | 89.606.745            | -                    |                 |                 |
|                            | <b>1.312.258.271</b> | <b>34.303.447.850</b> | <b>35.597.720.588</b> | <b>2.606.531.009</b> |                 |                 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông,  
thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2023

**15. Phải trả khác**

|                                      | 31/12/2023         | 01/01/2023         |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
|                                      | VND                | VND                |
| <b>a) Ngắn hạn</b>                   |                    |                    |
| Phải trả tiền cổ tức                 | 13.517.900         | 12.318.524         |
| Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN | 104.333.300        | 118.706.319        |
| Thù lao Hội đồng Quản trị            | 120.500.000        | 72.336.000         |
| Khác                                 | 657.785.276        | 281.045.309        |
|                                      | <b>896.136.476</b> | <b>484.406.152</b> |
| <b>b) Dài hạn</b>                    |                    |                    |
| Nhận ký quỹ, ký cược                 | 60.000.000         | -                  |
|                                      | <b>60.000.000</b>  | <b>-</b>           |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang**

187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Bảo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                            | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác của chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND          |
|----------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|------------------------|
| <b>Tại ngày 01/01/2022</b> | <b>633.317.350.000</b>     | <b>11.469.923.636</b>    | <b>6.825.309.715</b>      | <b>2.000.000.000</b>        | <b>147.392.541.211</b>                | <b>801.005.124.562</b> |
| Lợi nhuận năm trước        | -                          | -                        | -                         | -                           | 42.977.070.896                        | 42.977.070.896         |
| <b>Tại ngày 31/12/2022</b> | <b>633.317.350.000</b>     | <b>11.469.923.636</b>    | <b>6.825.309.715</b>      | <b>2.000.000.000</b>        | <b>190.369.612.107</b>                | <b>843.982.195.458</b> |
| <b>Tại ngày 01/01/2023</b> | <b>633.317.350.000</b>     | <b>11.469.923.636</b>    | <b>6.825.309.715</b>      | <b>2.000.000.000</b>        | <b>190.369.612.107</b>                | <b>843.982.195.458</b> |
| Lợi nhuận năm nay          | -                          | -                        | -                         | -                           | 69.710.778.745                        | 69.710.778.745         |
| Phân phối lợi nhuận (*)    | -                          | -                        | -                         | -                           | (31.665.867.500)                      | (31.665.867.500)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2023</b> | <b>633.317.350.000</b>     | <b>11.469.923.636</b>    | <b>6.825.309.715</b>      | <b>2.000.000.000</b>        | <b>228.414.523.352</b>                | <b>882.027.106.703</b> |

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 27/04/2023 với phương án trả cổ tức 5% bằng tiền mặt.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**  
187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBảo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                             | 31/12/2023<br>VND      | Tỷ lệ<br>%    | 01/01/2023<br>VND      | Tỷ lệ<br>%    |
|-----------------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| Kaibuok Shiyard (M) Sdn.Bhd | 30.948.120.000         | 4,89          | 22.658.120.000         | 3,58          |
| Puan Kwong Siing            | 101.007.570.000        | 15,95         | 104.707.570.000        | 16,53         |
| Ting Chek Hua               | 75.322.000.000         | 11,89         | 55.502.000.000         | 8,76          |
| Hà Nguyệt Nhi               | 47.811.660.000         | 7,55          | 47.801.660.000         | 7,55          |
| Khác                        | 378.228.000.000        | 59,72         | 402.648.000.000        | 63,58         |
|                             | <b>633.317.350.000</b> | <b>100,00</b> | <b>633.317.350.000</b> | <b>100,00</b> |

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|  | Năm 2023<br>VND  | Năm 2022<br>VND |
|--|------------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của Chủ sở hữu                                |                  |                 |
| - Vốn góp đầu năm  | 633.317.350.000  | 633.317.350.000 |
| - Vốn góp cuối năm                                       | 633.317.350.000  | 633.317.350.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận  |                  |                 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm                     | 12.318.524       | 12.318.524      |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm                   | 31.665.867.500   | -               |
| + <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | 31.665.867.500   | -               |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền                 | (31.664.668.124) | -               |
| + <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | (31.664.668.124) | -               |
| - Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm                | 13.517.900       | 12.318.524      |

**d) Cổ phiếu**

|  | 31/12/2023<br>Cổ phiếu | 01/01/2023<br>Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 63.331.735             | 63.331.735             |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 63.331.735             | 63.331.735             |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 63.331.735             | 63.331.735             |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 63.331.735             | 63.331.735             |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 63.331.735             | 63.331.735             |

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

- a) Công ty ký hợp đồng thuê đất số 05/HĐTD ngày 24/02/2017 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng (theo hợp đồng trả tiền thuê đất một lần) tại ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án Bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng (Thuyết minh 12). Diện tích thuê là 36.691,3 m<sup>2</sup> và thời hạn thuê đất từ ngày 21/02/2017 đến ngày 15/02/2067.
- b) Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê vị trí tại nhiều địa điểm để làm văn phòng, kho. Công ty phải trả tiền thuê vị trí định kỳ theo quy định tại các hợp đồng này.

**Ngoại tệ các loại**

|     | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
|-----|------------|------------|
| USD | 55.452,07  | 3.055,70   |

**18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                  | Năm 2023               | Năm 2022               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 409.409.403.099        | 409.849.711.359        |
|                                  | <b>409.409.403.099</b> | <b>409.849.711.359</b> |

**19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

|                                  | Năm 2023               | Năm 2022               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 155.537.202.841        | 177.055.121.175        |
| Chi phí nhân công                | 50.669.820.273         | 44.890.191.022         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 42.603.161.217         | 51.481.591.810         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 24.170.449.779         | 22.623.292.642         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 16.339.096.777         | 18.310.875.467         |
|                                  | <b>289.319.730.887</b> | <b>314.361.072.116</b> |

**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | Năm 2023              | Năm 2022             |
|---|-----------------------|----------------------|
|   | VND                   | VND                  |
| Lãi tiền gửi ngân hàng                    | 15.627.904.546        | 8.506.063.898        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 1.713.016.936         | 1.980.178            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm   | 21.660.637            | 545.184              |
|   | <b>17.362.582.119</b> | <b>8.508.589.260</b> |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**21. Chi phí bán hàng**

|   | Năm 2023              | Năm 2022              |
|---|-----------------------|-----------------------|
|   | VND                   | VND                   |
| Chi phí nhân viên                         | 14.482.666.028        | 13.649.245.951        |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng                  | 23.310.833            | 61.986.246            |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định          | 293.222.849           | 319.254.776           |
| Chi phí hoa hồng, chiết khấu              | 21.695.865.251        | 24.136.210.292        |
| Chi phí bán hàng khác                     | 8.943.081.570         | 5.912.635.664         |
|   | <b>45.438.146.531</b> | <b>44.079.332.929</b> |
| <b>Trong đó, mua vào từ Bên liên quan</b> | <b>110.000.000</b>    | <b>131.500.000</b>    |
| Xem chi tiết tại Thuyết minh 29           |                       |                       |

**22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | Năm 2023              | Năm 2022              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| Chi phí nhân viên quản lý        | 10.103.186.865        | 7.595.347.471         |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 52.717.188            | 76.341.268            |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 387.940.480           | 198.724.526           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 4.013.026.446         | 2.870.514.073         |
| Chi phí bằng tiền khác           | 523.317.753           | 2.019.922.936         |
|                                  | <b>15.080.188.732</b> | <b>12.760.850.274</b> |

**23. Thu nhập khác**

|  | Năm 2023             | Năm 2022             |
|--|----------------------|----------------------|
|  | VND                  | VND                  |
| Thu nhập từ việc khách hủy vé  | 781.832.386          | 561.095.747          |
| Thu nhập khác  | 88.031.208           | 866.881.305          |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 10) | 5.458.552.077        | -                    |
|  | <b>6.328.415.671</b> | <b>1.427.977.052</b> |

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**24. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|   | Năm 2023               | Năm 2022              |
|---|------------------------|-----------------------|
|   | VND                    | VND                   |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>82.547.118.134</b>  | <b>47.906.760.519</b> |
| Chi phí không được trừ khi tính thuế  | 20.544.468.961         | 21.860.587.573        |
| Các khoản thuế bị truy thu và tiền phạt hành chính                                  | 186.903.758            | -                     |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>   | <b>103.278.490.853</b> | <b>69.767.348.092</b> |
| Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định  | (5.889.331.051)        | (22.572.262.290)      |
| <b>Thu nhập tính thuế</b>   | <b>97.389.159.802</b>  | <b>47.195.085.802</b> |
| Thuế TNDN phải nộp  | 19.357.935.158         | 8.257.114.807         |
| Miễn, giảm thuế phải nộp do ưu đãi thuế   | (6.641.492.571)        | (3.327.425.184)       |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>12.716.442.587</b>  | <b>4.929.689.623</b>  |
| Điều chỉnh  |                        |                       |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Quyết định số 1019-QĐ-XPHC ngày 08/08/2023 | 119.896.802            | -                     |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành sau điều chỉnh</b>                                   | <b>12.836.339.389</b>  | <b>4.929.689.623</b>  |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm  | 622.494.971            | (3.507.194.652)       |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm  | 11.324.660.991         | 800.000.000           |
| <b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>  | <b>2.134.173.369</b>   | <b>622.494.971</b>    |

**25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

|  | Năm 2023       | Năm 2022       |
|--|----------------|----------------|
|  | VND            | VND            |
| Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 69.710.778.745 | 42.977.070.896 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông             | 69.710.778.745 | 42.977.070.896 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 63.331.735     | 63.331.735     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                      | <b>1.101</b>   | <b>679</b>     |

Công ty chưa có dự định trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành dựa trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**26. Chi phí theo yếu tố**

|                                  | Năm 2023               | Năm 2022               |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                  | VND                    | VND                    |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 155.613.230.862        | 177.193.448.689        |
| Chi phí nhân công                | 75.255.673.166         | 66.134.784.444         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 43.284.324.546         | 51.999.571.112         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 28.183.476.225         | 25.493.806.715         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 47.501.361.351         | 50.379.644.359         |
|                                  | <b>349.838.066.150</b> | <b>371.201.255.319</b> |

**27. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

*Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*Rủi ro tín dụng (tiếp)*

|                                    | Dưới 1 năm             | Từ 1 - 5 năm       | Tổng                   |
|------------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
|                                    | VND                    | VND                | VND                    |
| <b>31/12/2023</b>                  |                        |                    |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.655.378.137         | -                  | 13.655.378.137         |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 86.191.905.060         | 805.000.000        | 86.996.905.060         |
| Các khoản cho vay                  | 199.103.287.671        | -                  | 199.103.287.671        |
|                                    | <b>298.950.570.868</b> | <b>805.000.000</b> | <b>299.755.570.868</b> |
| <b>01/01/2023</b>                  |                        |                    |                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.843.084.950          | -                  | 9.843.084.950          |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 32.254.635.487         | 945.000.000        | 33.199.635.487         |
| Các khoản cho vay                  | 206.395.990.363        | -                  | 206.395.990.363        |
|                                    | <b>248.493.710.800</b> | <b>945.000.000</b> | <b>249.438.710.800</b> |

*Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

|                                   | Dưới 1 năm           | Từ 1 - 5 năm      | Tổng                 |
|-----------------------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
|                                   | VND                  | VND               | VND                  |
| <b>31/12/2023</b>                 |                      |                   |                      |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 2.566.756.126        | 60.000.000        | 2.626.756.126        |
|                                   | <b>2.566.756.126</b> | <b>60.000.000</b> | <b>2.626.756.126</b> |
| <b>01/01/2023</b>                 |                      |                   |                      |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 2.055.229.045        | -                 | 2.055.229.045        |
|                                   | <b>2.055.229.045</b> | <b>-</b>          | <b>2.055.229.045</b> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**29. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| <u>Bên liên quan</u>         | <u>Mối quan hệ</u>                |
|------------------------------|-----------------------------------|
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd | Cổ đông                           |
| Ông Phan Hồng Phúc           | Chủ tịch HĐQT                     |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung     | Phó Chủ tịch HĐQT                 |
| Ông Puan Kwong Siing         | Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc     |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng       | Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Tiến Đức             | Thành viên HĐQT/Chủ tịch UBKT     |
| Bà La Xuân Đào               | Thành viên HĐQT/Thành viên UBKT   |
| Bà Nguyễn Bích Nghĩa         | Thành viên HĐQT/Thành viên UBKT   |
| Bà Hà Nguyệt Nhi             | Thành viên HĐQT                   |
| Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ         | Thành viên HĐQT                   |
| Ông Tăng Siêu Tâm            | Thành viên HĐQT                   |
| Bà Lương Nguyễn Mỹ Chi       | Thư ký HĐQT                       |
| Bà Bùi Thị Hồng Đào          | Kế toán trưởng                    |

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

|  | Năm 2023              | Năm 2022              |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | VND                   | VND                   |
| <b>Ứng trước tiền cho nhà cung cấp</b> | <b>92.617.195.000</b> | <b>21.658.640.000</b> |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd           | 92.617.195.000        | 21.658.640.000        |
| <b>Mua dịch vụ</b>                     | <b>110.000.000</b>    | <b>131.500.000</b>    |
| Bà Hà Nguyệt Nhi (Cho thuê văn phòng)  | 110.000.000           | 90.000.000            |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng (Cho thuê xe)   | -                     | 41.500.000            |
| <b>Thanh lý tài sản cố định</b>        | <b>65.968.000.000</b> | <b>-</b>              |
| Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd           | 65.968.000.000        | -                     |



**Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong–Kiên Giang**187 Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường  
Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên GiangBáo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Kế toán trưởng trong năm như sau:

|   | Năm 2023             | Năm 2022             |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| <b>Hội đồng quản trị</b>                  | <b>2.166.870.000</b> | <b>1.950.810.000</b> |
| Ông Phan Hồng Phúc                        | 404.480.000          | 253.440.000          |
| Bà Hà Nguyệt Nhi                          | 478.520.000          | 532.750.000          |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung                  | 1.047.600.000        | 974.540.000          |
| Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ                      | 31.680.000           | 95.040.000           |
| Ông Tăng Siêu Tâm                         | 31.680.000           | 95.040.000           |
| Bà Lương Nguyễn Mỹ Chi                    | 172.910.000          | -                    |
| <b>Ban Tổng Giám đốc</b>                  | <b>4.230.780.000</b> | <b>2.199.348.000</b> |
| Ông Puan Kwong Siing                      | 2.387.430.000        | 1.085.290.000        |
| Bà Nguyễn Thị Kim Hồng                    | 1.843.350.000        | 1.114.058.000        |
| <b>Ủy ban kiểm toán và kế toán trưởng</b> | <b>1.363.105.000</b> | <b>957.990.000</b>   |
| Ông Bùi Tiến Đức                          | 200.000.000          | -                    |
| Bà Nguyễn Bích Nghĩa                      | 160.000.000          | -                    |
| Bà La Xuân Đào                            | 31.680.000           | 95.040.000           |
| Bà Bùi Thị Hồng Đào                       | 971.425.000          | 862.950.000          |
|   | <b>7.760.755.000</b> | <b>5.108.148.000</b> |

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**30. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**31. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2024.

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng  
Phó Tổng Giám đốcBùi Thị Hồng Đào  
Kế toán trưởngLâm Thị Ngọc Thương  
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Kiên Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



PHAN HỒNG PHÚC